

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2100307704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 22/02/2005, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/12/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

(Quyết định Đăng ký niêm yết số: 14/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2012)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long
 - 36 đường Bạch Đằng, phường 4, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
2. Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á
 - Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Thị Thanh Ngân

Số điện thoại: 0743.853390 – DD: 0919.468098

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2100307704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh
áp lần đầu ngày 22/02/2005, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/12/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

(Quyết định Đăng ký niêm yết số: . . /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày . . . tháng . . . năm 2012)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long
 - 36 đường Bạch Đằng, phường 4, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
2. Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á
 - Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Thị Thanh Ngân

Số điện thoại: 0743.853390 – DD: 0919.468098

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2100307704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 22/02/2005, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/12/2010)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 8.000.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 80.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (ASC)

Địa chỉ : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 38 258 106 Fax: (08) 38 248 655

Website : www.asias.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) (2009, 2010)

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng : 153 Đề Thám, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3838 9099 Fax: (08) 3838 9119

Website : www.vietvalues.com

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) (2011)

• Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

• Điện thoại : (08) 38 205 944 Fax: (08) 38 205 942

• Email : info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế:.....	1
2. Rủi ro về luật pháp	1
3. Rủi ro đặc thù ngành	2
4. Rủi ro về thị trường tiêu thụ.....	3
5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết	3
6. Rủi ro khác	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (Cuulong SeaPro)	4
2. Tổ chức tư vấn niêm yết - Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (ASC)	5
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	43
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	47
9. Chính sách đối với người lao động	56
10. Chính sách cổ tức	58
11. Tình hình hoạt động tài chính	59
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	64
13. Tài sản	78
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	79

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thủy sản Việt Nam nói chung đều chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ những biến động kinh tế của các nước trên thế giới, đặc biệt là tình hình kinh tế tại các thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam như Mỹ, Nhật và Châu Âu. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đã có ảnh hưởng rất lớn đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đang phát triển và chủ yếu dựa vào xuất khẩu như Việt Nam.

Hơn nữa, tình hình kinh tế trong nước, thể hiện qua các chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát... cũng có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (“Công ty” hoặc “CuulongSeaPro”) là một trong những công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, các biến động về chính sách tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CuulongSeaPro. Trong trường hợp Chính phủ điều hành chính sách tỷ giá theo hướng hỗ trợ xuất khẩu, CuulongSeaPro sẽ có nhiều cơ hội gia tăng lợi nhuận và ngược lại, nếu Chính phủ điều hành chính sách tỷ giá theo hướng hỗ trợ nhập khẩu, CuulongSeaPro có thể sẽ bị ảnh hưởng.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của CuulongSeaPro chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của CuulongSeaPro.

Năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã mở ra những cơ hội rộng lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này cũng đồng nghĩa doanh nghiệp Việt Nam phải hội nhập nhanh chóng với các

quy định, luật lệ của sân chơi toàn cầu. Chính vì vậy, những hiểu biết về luật thương mại hay những tranh chấp quốc tế sẽ là khó khăn rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và CuulongSeaPro nói riêng. Nếu không am hiểu trong lĩnh vực này cũng sẽ tiềm ẩn rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước. Vụ kiện bán phá giá của Hiệp hội các nhà nuôi cá da trơn của Mỹ đối với doanh nghiệp xuất khẩu cá da trơn Việt Nam là một ví dụ rõ ràng, đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu vào thị trường Mỹ của các doanh nghiệp này.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Đối với lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, kiểm soát được nguồn nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng sản phẩm. Trong khi đó, khai thác thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết tự nhiên. Nguồn nguyên liệu nuôi trồng thường bị tình trạng chết hàng loạt do nguồn nước bị ô nhiễm, môi trường sinh thái biến động, con giống nhiễm bệnh..., ảnh hưởng tới hoạt động thu mua của CuulongSeaPro.

Sau vụ kiện bán phá giá cá Basa và tôm ở thị trường Hoa Kỳ, có thể thấy rằng những hàng rào kỹ thuật và thương mại được áp dụng ngày càng chặt chẽ với các quy định về dư lượng kháng sinh, về truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản, về kiểm dịch đang thách thức lớn đối với các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam.

Trong những năm gần đây, do yêu cầu ngày càng cao của chất lượng nguyên vật liệu, người nông dân cơ bản đã nắm được kỹ thuật nuôi tôm, vì vậy việc tôm nhiễm bệnh, chết hàng loạt ít xảy ra. Tuy nhiên, việc nuôi tôm vẫn mang đậm tính chất mùa vụ, điều này làm ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp.

Ngoài ra, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản để thu mua nguyên liệu ngày càng trở nên gay gắt hơn khi có sự bão hòa về quy mô, diện tích, năng suất, hiệu quả và sản lượng.

Rủi ro về nguồn nhân lực: Nhân lực là một yếu tố quan trọng trong tổ chức sản xuất. Ngành thủy sản là ngành cần nguồn nhân lực lớn. Sự biến động nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao, nhất là vào vụ chính gây những trở ngại đến năng suất và tốc độ sản xuất của Công ty. Hiểu rõ vấn đề này, CuulongSeaPro luôn có

chính sách lương phù hợp cho đội ngũ công nhân sản xuất và các ưu đãi về chế độ phúc lợi, tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho công nhân của nhà máy.

4. Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Thị trường các nước nhập khẩu sản phẩm của CuulongSeaPro luôn có quy định rất khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung hoạt chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư chất kháng sinh. Hiện tại, quá trình sản xuất của CuulongSeaPro luôn tuân thủ về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình từ thu mua nguyên vật liệu đến lúc sản xuất ra thành phẩm và bảo quản. CuulongSeaPro đã đạt được tiêu chuẩn HACCP của Mỹ, đạt tiêu chuẩn xuất vào thị trường EU, Nhật, Hàn Quốc. Tuy vậy, sự thay đổi về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của thị trường tiêu thụ nếu có sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc thu mua, sản xuất, xuất khẩu của CuulongSeaPro.

Ý thức sâu sắc được những rủi ro đó, CuulongSeaPro đã và đang tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào trước khi đưa vào chế biến. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy trình sản xuất đã được tiêu chuẩn hóa, thành lập bộ phận kiểm soát chất lượng với những yêu cầu khắt khe buộc nhà cung cấp phải bảo đảm được các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm đặt ra.

5. Rủi ro về lạm phát và lãi suất

Xu hướng tốc độ lạm phát ngày càng gia tăng trên toàn cầu đang đặt ra thách thức lớn cho chính phủ các quốc gia cũng như các ngân hàng trung ương. Giá dầu thô tăng mạnh đột biến trên thị trường quốc tế cũng như các mặt hàng thực phẩm trong thời gian qua là hai mối quan ngại lớn mà nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt.

Năm 2011, lạm phát Việt Nam ở mức cao 18,58%. 4 tháng đầu năm 2012 CPI cả nước tăng 2,6% so tháng 12/2011. Dù lạm phát đang có xu hướng giảm, tuy nhiên nguy cơ lạm phát tái diễn vẫn tồn tại khiến lãi suất thị trường vốn cũng tăng cao. Công ty thường có các vay ngắn hạn giá trị khá lớn, do đó lãi suất tăng làm tăng chi phí vốn của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của CuulongSeaPro sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với CuulongSeaPro và thị trường chứng khoán, tâm lý người đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường, các yếu tố của ngành...

Ngoài những yếu tố trên, khi CuulongSeaPro có nhu cầu tăng vốn mở rộng sản xuất kinh doanh sẽ phát sinh rủi ro loãng giá. Vốn tăng, áp lực trả cổ tức cho cổ đông cũng tăng, xét trong ngắn hạn, việc tăng vốn sẽ làm giá cổ phiếu của CuulongSeaPro giảm. Tuy nhiên, cần phải xét đến mục đích và tính khả thi của những dự án dùng để huy động vốn, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của CuulongSeaPro. Giá cổ phiếu trong dài hạn sẽ tăng nếu các dự án của CuulongSeaPro đưa ra khả thi và mang lại hiệu quả tối đa cho cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu của CuulongSeaPro.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (Cuulong SeaPro)

Ông Nguyễn Văn Bang	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Ngân	Chức vụ: Quyền Kế toán trưởng
Bà Hồ Thị Á	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết - Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (ASC)

Ông Phan Vũ Tuấn

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn ngữ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn thận dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--|
| “Bản cáo bạch” | Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư. |
| “Công ty” hoặc
“CuulongSeaPro” | Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long |
| “Cổ đông” | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long. |
| “Cổ phần” | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. |
| “Cổ phiếu” | Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu có ghi tên theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật. |
| “Cổ tức” | Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để chia cho cổ đông. |
| “Điều lệ” | Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua. |
| “Năm tài chính” | Tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. |
| “Người liên quan” | Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Công ty mẹ và Công ty con (nếu có); |

- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty đó thông qua các cơ quan quản lý Công ty;
- Công ty và những người quản lý Công ty;
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

“Vốn điều lệ” Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán năm 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

TỪ VIẾT TẮT	GIẢI NGHĨA
Air-blast freezer	: Tủ đông gió
BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD NM ĐL	: Ban Giám đốc Nhà máy Đông lạnh
BGD NT	: Ban Giám đốc Ngư trường
Block	: Tủ đông tiếp xúc
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
“CuulongSeaPro” hay “Công ty”	: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	: Đơn vị tính
EU	: Liên minh Châu Âu
GSO	: Tổng cục Thống kê Việt Nam
HACCP	: Tiêu chuẩn đặt ra các nguyên tắc của hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HLSO	: Tôm bỏ đầu còn vỏ
HOSO	: Tôm nguyên con
IQF	: Băng chuyền đông IQF

ISO 9001:2000	: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản năm 2000
KTCN	: Kỹ thuật - Công nghệ
KTSX	: Kỹ thuật Sản xuất
LN	: Lợi nhuận
MSC	: Hội đồng biển quốc tế (Marine Stewarship Council)
NAFIQAVED	: Cục quản lý Chất lượng An toàn vệ sinh Thủy sản
Nobashi	: Tôm ép đuôi
PD/PUD	: Tôm thịt
PTO	: Tôm lột vỏ còn đuôi
ROA	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
ROE	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Semi block	: Tủ đông gió
SGDCK	: Sở giao dịch chứng khoán
SXKD	: Sản xuất Kinh doanh
TCHC	: Tổ chức - Hành chính
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
USD	: Đồng đô la Mỹ
VASEP	: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản
VND	: Đồng Việt Nam
WTO	: Tổ chức Thương mại Thế giới

Trong một số trường hợp, Công ty sử dụng các từ như: “sẽ”, “dự kiến”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “có thể” và các từ ngữ khác xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù Công ty tin tưởng rằng kế hoạch, số liệu dự kiến trình bày tại Bản cáo bạch này là khả thi, nhưng không thể bảo đảm các dự kiến này sẽ chắc chắn xảy ra trong tương lai.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên gọi đầy đủ : Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
- Tên tiếng Anh : CUULONG SEAPRODUCTS COMPANY.
- Tên viết tắt : CUULONG SEAPRO.
- Trụ sở chính : 36 đường Bạch Đằng, Phường 4, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : (074) 3852321 - 3852236 - 3853390 - 3852052

- Fax : (074) 3852078 - 3852465
- Email : ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn
- Website : www.cuulongseapro.vn
- **Trạm liên lạc** : Số 7A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại : 08. 38269680, Fax: 08. 39400394.
- E-mail : cuulongseapro@hcm.fpt.vn
- Biểu tượng (logo) :



- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
- **Cơ cấu vốn điều lệ:**

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	Cổ đông sáng lập	2.881.751	28.817.510.000	36,02%
2	Cổ đông phổ thông	5.118.249	51.182.490.000	63,98%
	Tổng	8.000.000	80.000.000.000	100%
1	Cổ đông Nhà nước	2.617.451	26.174.510.000	32,72%
2	Cổ đông nội bộ: HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	1.901.430	19.014.300.000	23,77%
3	Cán bộ công nhân viên	140.839	1.408.390.000	1,76%
4	Cổ đông khác	3.340.280	33.402.800.000	41,75%
	Tổng	8.000.000	80.000.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	7.859.100	78.591.000.000	98,24%
2	Cổ đông nước ngoài	140.900	1.409.000.000	1,76%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/07/2012 của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

- **Quá trình thay đổi vốn điều lệ:**

Bảng 2: Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Ngày cấp Giấy phép kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị tăng (VND)	Phương thức	Ghi chú
22/02/2005	20.000.000.000		Vốn ban đầu khi cổ phần hóa	Chuyển đổi từ Công ty Thủy sản Cửu Long
26/10/2007	40.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 12%, phát	Theo Nghị quyết Đại hội

			hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu; Phát hành cho cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư lớn.	đồng Cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản ngày 28/05/2007.
25/03/2009	48.000.000.000	8.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 4:1, giá bán 10.000 đồng/cổ phần và cán bộ công nhân viên với giá bán 12.000 đồng/cổ phần.	Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản 11/12/2008.
30/12/2010	80.000.000.000	32.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 3:2, giá bán: 10.000 đồng/cổ phần.	Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản ngày 22/09/2010.

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

- **Năm 2007:** Công ty phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu tương đương 20 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng cho các đối tượng: cổ đông hiện hữu (trả cổ tức bằng cổ phiếu 12%, thưởng bằng cổ phiếu 20%), chào bán 100.000 cổ phần cho cán bộ công nhân viên chủ chốt và chào bán 1.260.000 cổ phần cho nhà đầu tư lớn.
- **Năm 2009:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 48 tỷ đồng sau khi chào bán được 800.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên.
- **Năm 2010:** Công ty chào bán 3.200.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ tăng từ 48 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng.

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chi tiết: Chế biến, thu mua các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản
2	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Chi tiết: Sản xuất thức ăn thủy sản
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Chi tiết: Kinh doanh các loại giống thủy sản, thức ăn thủy sản

4	Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chi tiết: Nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản
5	Sản xuất giống thủy sản; Chi tiết: Sản xuất các loại giống thủy sản
6	- Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản, nông súc sản. - Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. - Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tải và kho bãi, dịch vụ kiểm nghiệm và các dịch vụ khác.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long tiền thân là Công ty Hải sản Tỉnh Cửu Long. Qua vài lần thay đổi tên gọi như Công ty Thu mua - Chế biến - Xuất khẩu Cửu Long, Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy sản Cửu Long, đến năm 1992, được chuyển thành Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh theo quyết định số 423/QĐ-UBT ngày 22/10/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Khi đó Công ty có 01 (một) phân xưởng chế biến thủy hải sản với năng lực sản xuất 1.500 tấn sản phẩm/năm.

Năm 2000, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến II (EU code DL31). Từ đó, năng lực sản xuất của Công ty đã được nâng lên 4.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty đã chế biến được các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng, tạo bước ngoặt trong việc thực hiện chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu.

Tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, năm 2003 Công ty đã xây dựng và đưa vào hoạt động kho trữ đông 300 tấn, đồng thời cải tạo nhà xưởng và nâng cấp máy móc thiết bị của phân xưởng chế biến I. Năng lực sản xuất của Công ty tăng lên 6.000 tấn sản phẩm/năm. Từ đây, nhà xưởng sản xuất và hệ thống máy móc thiết bị đã được hoàn thiện nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và tạo bước phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Công ty cũng đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu thực phẩm quốc tế như HACCP, GMP, BRC (Global Standard for Food Safety), ACC, ISO 9001:2000.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tháng 07/2003 Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh đã tiến hành cổ phần hóa. Đầu năm 2005 Công ty đã hoàn tất quá trình cổ phần hóa, được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh ngày 22/02/2005. Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long chính thức hoạt động từ ngày 15/03/2005.

Năm 2007 Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng kho trữ đông công suất 1.000 tấn, nâng tổng công suất trữ đông lên 1.500 tấn. Hệ thống kho trữ đông luôn bảo đảm chất lượng thành phẩm theo đúng tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Năm 2008 Công ty đã xây dựng mới và đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến III, chuyên chế biến các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng. Năng lực sản xuất của Công ty tăng lên 10.000 tấn sản phẩm/năm.

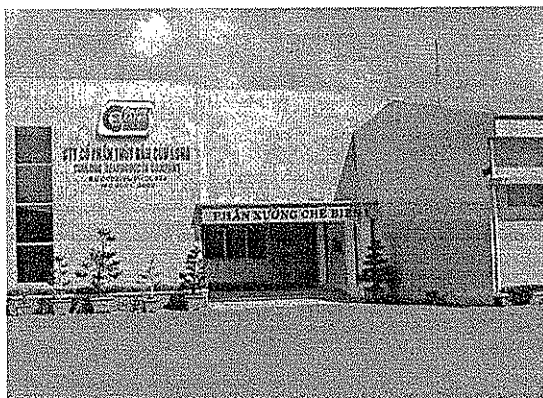
Đầu năm 2009 Công ty đã nâng cấp phòng thí nghiệm và được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 (Mã số: VILAS 365), đồng thời nâng cấp phiên bản ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008.

Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đặt tại tỉnh Trà Vinh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nằm ở hạ lưu, giữa sông Tiền và sông Hậu, với hơn 65 km bờ biển tiếp giáp với Biển Đông, tỉnh Trà Vinh là nơi cung cấp dồi dào nguồn thủy sản, đặc biệt là tôm sú nuôi với diện tích nuôi khoảng 25.000 ha mặt nước và sản lượng thu hoạch đạt hơn 18.000 tấn. Với vị trí địa lý nằm cạnh trục giao thông đường bộ và đường thủy và cách vùng nguyên liệu chưa đến 30 km, Cuulong Seapro rất thuận lợi trong việc vận chuyển nguyên liệu để chế biến cũng như thành phẩm để tiêu thụ.

Với kinh nghiệm có được qua hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản, Cuulong Seapro đã đáp ứng được yêu cầu và tạo được lòng tin nơi khách hàng tại các thị trường lớn như Nhật Bản, Bắc Mỹ, EU,... Công ty đã đạt được nhiều bằng khen và giải thưởng như sau:

- Bằng khen về thành tích xuất khẩu, liên tục từ năm 2004 - 2010 do Bộ Công Thương tặng.
- Đạt Giải bạc Chất lượng Quốc gia năm 2010 do Thủ tướng Chính phủ tặng (Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 8/12/2010).
- “Huân chương Lao động hạng ba” do Chủ tịch nước tặng (Quyết định số 1284/QĐ-CTN ngày 16/8/2010).
- Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng (Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 18/4/2011).
- Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” năm 2010 do Thủ tướng Chính phủ tặng (Quyết định số 1013/QĐ-TTg ngày 30/6/2011).
- Bằng khen “Đã thực hiện tốt chính sách BHXH năm 2011” do Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng (Quyết định số 29/QĐ-BHXH ngày 06/01/2012).

- Đạt top 100 giải thưởng “Sao vàng đất Việt” năm 2011 do Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.



Toàn cảnh Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long hiện tại gồm:

❖ Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 36 đường Bạch Đằng, phường 4, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : (074) 3852321 - 3852236 - 3852465
- Fax : (074) 3852078
- Email : ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn
- Website : www.cuulongseapro.vn

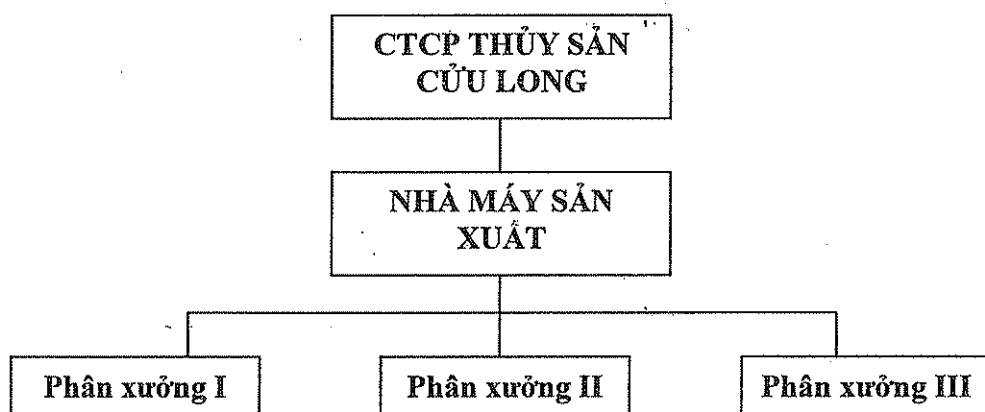
❖ Văn phòng liên lạc:

- Địa chỉ : 7A Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 38 269 680 Fax: (08) 39 400 394
- Email : cuulongseapro@hcm.fpt.vn

❖ Công ty con: Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn

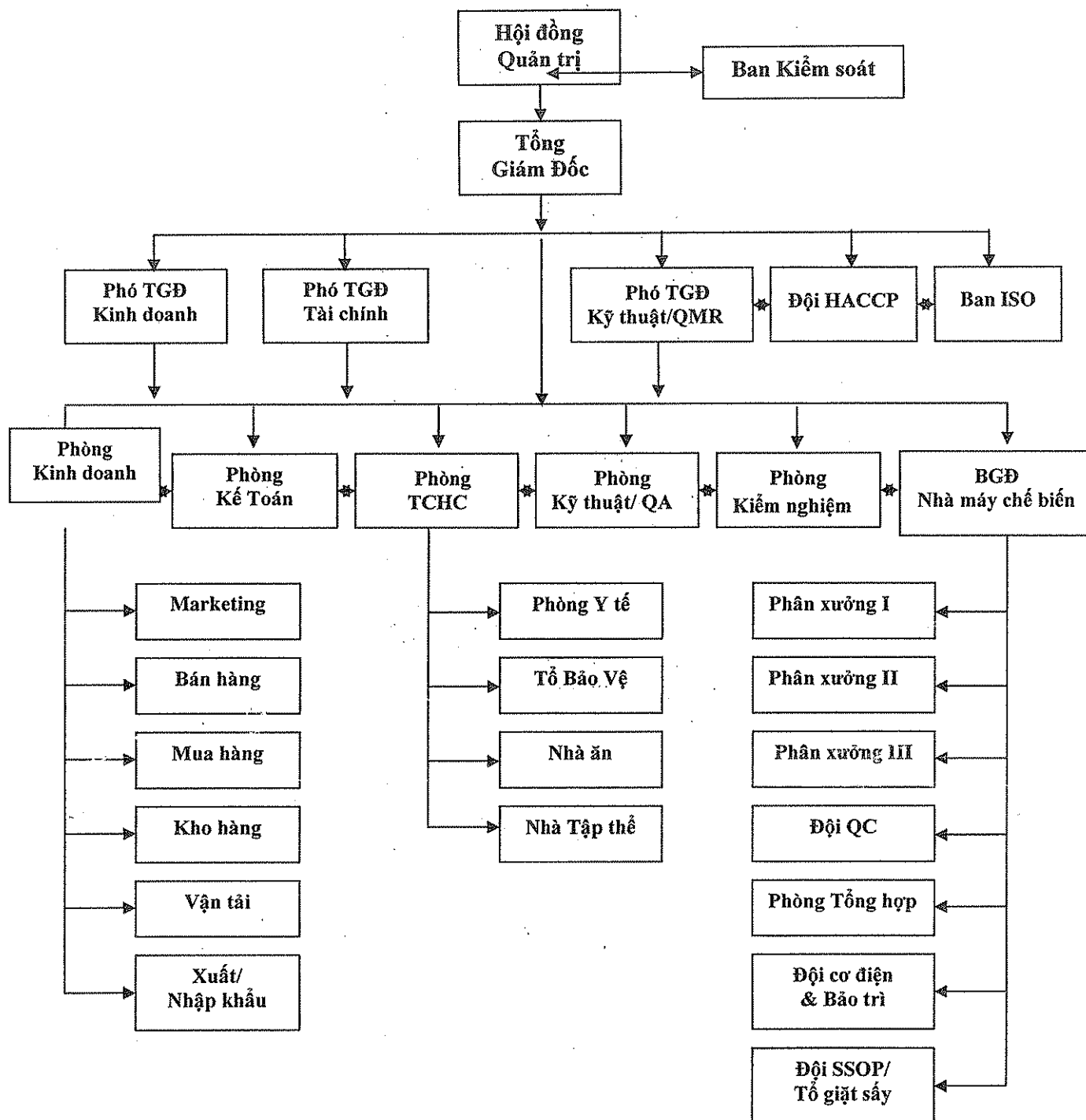
- Trụ sở : Khóm 2, Thị trấn Duyên Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

- Ngành nghề: Chế biến và xuất khẩu thủy sản
- Vốn điều lệ : 11 tỷ đồng
- Công ty mẹ nắm giữ: 90,65%
- ❖ Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Mỹ Long Nam
- Trụ sở : Ấp 5, Xã Mỹ Long Nam, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh
- Ngành nghề: Thu mua các mặt hàng thủy hải sản
- Vốn điều lệ : 2 tỷ đồng
- Công ty mẹ nắm giữ: 100%
- ❖ Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long có 03 xưởng sản xuất:
 - Phân xưởng I: Công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm
 - Phân xưởng II: Công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm
 - Phân xưởng III: Công suất 4.000 tấn sản phẩm/nămTổng công suất toàn Công ty là 10.000 tấn sản phẩm/năm.



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Ghi chú: —————> : Quan hệ chỉ đạo
 <----- : Quan hệ phối hợp

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long như sau:

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của CuulongSeaPro; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; bầu và bãi miễn Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty...

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý của Công ty bao gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu cử theo nhiệm kỳ, có toàn quyền nhân danh Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Bang | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Thanh Lễ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Diệp Công Phước | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trương Thanh Tân | Thành viên HĐQT |

- | | |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Lê Thanh Bình | Thành viên HĐQT |
| - Bà Trần Thị Thu Trà | Thành viên HĐQT |
| - Bà Đỗ Lan Hương | Thành viên HĐQT |

3.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát:

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| - Bà Hồ Thị Á | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Liễu Tuyền | Thành viên Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Nhanh | Thành viên Ban kiểm soát |

3.4. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Bang | Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Thanh Lễ | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Diệp Công Phước | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc |

3.5. Các phòng ban trong Công ty

Công ty có bộ máy tổ chức hoạt động gọn nhẹ, tập trung, mang tính linh hoạt cao bao gồm các phòng và bộ phận chức năng: Phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kiểm nghiệm, Phòng Kỹ thuật - Công nghệ.

Phòng Kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm kế hoạch ngắn, trung và dài hạn; xây dựng chiến lược về hoạt động marketing, chào hàng, bán hàng, các thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hóa, mở rộng thị trường, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Phòng Kế toán:

Chịu trách nhiệm làm thủ tục, theo dõi xuất nhập, thanh toán tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu cho người bán. Tính giá thành sản phẩm, quản lý, theo dõi hàng tồn kho, các hóa đơn mua bán hàng hóa. Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi các khoản công nợ, dư nợ vay, hồ sơ vay...

Phòng Tổ chức - Hành chính:

Có trách nhiệm thực hiện công tác tuyển dụng, lập kế hoạch đào tạo cán bộ công nhân viên theo yêu cầu của các phòng ban, tính lương, thưởng, bảo hiểm, phụ trách đời sống văn hóa và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự nội bộ, xây dựng nội quy cơ quan, nội quy kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm về công tác quản trị, quản lý tài sản chung của văn phòng, các công việc đối nội và đối ngoại.

Phòng Kiểm nghiệm:

Có trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng hóa sản xuất và nguồn nguyên liệu đầu vào về các chỉ tiêu vi sinh, kháng sinh. Tổ chức quản lý, đào tạo nội bộ các quy trình quản lý chất lượng liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm của Công ty. Thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm, đánh giá chất lượng sản phẩm. Thiết lập các chương trình phân tích kiểm nghiệm. Vận hành tổ chức phòng Kiểm nghiệm theo yêu cầu ISO/IEC 17025:2005.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ:

Chịu trách nhiệm về kỹ thuật sản xuất sản phẩm, phát triển sản phẩm mới của Công ty, thực hiện kiểm tra giám sát các công đoạn trong quá trình sản xuất.

Giám sát, kiểm tra đôn đốc, duy trì việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng, quản lý các hồ sơ, tài liệu về các hệ thống quản lý chất lượng quốc tế HACCP, GMP, SSOP, BRC, ACC. Nghiên cứu cải tiến công nghệ chế biến.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty;

Tính đến thời điểm 20/07/2012, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	MSCĐ	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/ĐK KD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	CL-001	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Số 117 đường Trần Khánh Dư, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà nội	0101992921	2.617.451	32,72%
2	CL-076	Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	Tầng 10, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội	03/UBCK-TLQTV	1.575.000	19,69%
3		Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh	14D9 Đường Thảo Điền Q2 TPHCM	0302046586	862.620	10,78%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/07/2012 của Công ty CP Thủy sản Cửu Long

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2100307704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 22/02/2005, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/12/2010, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long gồm:

Bảng 4: *Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ*

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/ĐK KD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	15A Trần Khánh Dư, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	0101992921	2.617.451	32,72%
2	Nguyễn Văn Bang	01B Tô Thị Huỳnh K1 F1 Tp. TV	334516921	100.000	1,25%
3	Trần Thanh Lễ	B3/44 Khu 3A Đường Phạm Ngũ Lão K3 P1 Tp. Trà Vinh	334528429	80.000	1,00%
4	Lê Thanh Bình	Số 15 Võ Thị Sáu, P3 Tp. Trà Vinh	334516924	71.000	0,89%
5	Diệp Công Phước	24 K7 P7 Nguyễn Thị Minh Khai- Tp. Trà Vinh	334611477	13.300	0,17%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 5: *Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long*

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ
Cổ đông là cá nhân	2.121.827	21.218.270.000	26,52%
Cá nhân trong nước	1.980.927	19.809.270.000	24,76%
Cá nhân nước ngoài	140.900	1.409.000.000	1,76%
Cổ đông là tổ chức	5.878.173	58.781.730.000	73,48%
Tổ chức trong nước	5.878.173	58.781.730.000	73,48%
Tổ chức nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng	8.000.000	80.000.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/07/2012 của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký

❖ Công ty con: Công ty Cổ phần Đông lạnh Long Toàn

- Trụ sở : Khóm 2, Thị trấn Duyên Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
- Ngành nghề : Chế biến và xuất khẩu thủy sản
- Vốn điều lệ : 11 tỷ đồng
- Công ty mẹ nắm giữ: 90,65%

❖ Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Mỹ Long Nam

- Trụ sở : Ấp 5, Xã Mỹ Long Nam, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh
- Ngành nghề : Thu mua các mặt hàng thủy hải sản
- Vốn điều lệ : 2 tỷ đồng
- Công ty mẹ nắm giữ: 100%

❖ Công ty liên kết: Công ty cổ phần Thủy sản Sao Biển

- Trụ sở : Khóm 1, Thị trấn Duyên Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
- Ngành nghề : Chế biến xuất khẩu chả cá Surimi
- Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ : 35%

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long không chịu sự chi phối của công ty nào.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

a. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty:

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long chuyên kinh doanh về thủy sản. Mặt hàng chính của Công ty là Tôm đông lạnh.

Các sản phẩm chủ lực của Công ty:

Các mặt hàng đông lạnh xuất khẩu chính: Tôm tươi, Tôm luộc đông lạnh, các sản phẩm giá trị gia tăng và các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác.

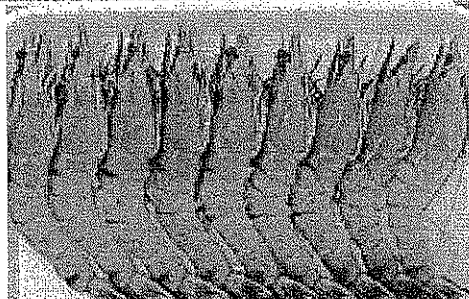
- Tôm tươi đông lạnh: Các sản phẩm tôm tươi đông lạnh bao gồm: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm sắt... được chế biến dưới dạng tôm nguyên con (HOSO), tôm bỏ

đầu còn vỏ (HLSO), tôm lột vỏ còn đuôi (PTO), tôm thịt (PD&PUD), tôm ép đuôi (NOBASHI),... Sản phẩm được cấp đông dạng rời (IQF), đông khối (Block/Semi block), hoặc cấp đông đóng gói theo yêu cầu của khách hàng và thị trường.

- Tôm chần (Blanched) hoặc tôm chín (Cooked) đông lạnh: Các sản phẩm tôm luộc hoặc chần đông lạnh bao gồm: Tôm sú, tôm thẻ, tôm sắt... được chế biến dưới dạng tôm bỏ đầu còn vỏ, tôm lột vỏ còn đuôi và tôm thịt cấp đông rời (IQF), đông khối (Block/Semi block).
- Sản phẩm Giá trị gia tăng: Tôm tẩm bột (PTO, PTO chẻ bướm (Butterfly), PDTO Nobashi), Tôm tẩm gia vị, Tôm cuộn khoai tây; Cá cuộn khoai tây, Hải sản + Rau củ xiên que, cá tra fillet tẩm gia vị/tẩm bột...
- Các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác được chế biến từ cá chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của Công ty.
- Qui cách đóng gói: Mẫu mã bao bì đẹp, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu bán lẻ, siêu thị.
- Chất lượng và Hệ thống Quản lý chất lượng: Theo mức chất lượng xuất khẩu của Việt Nam và tiêu chuẩn nước nhập khẩu. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không có vi sinh vật gây bệnh, kháng sinh bị cấm sử dụng trong thực phẩm cho người.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CỬU LONG

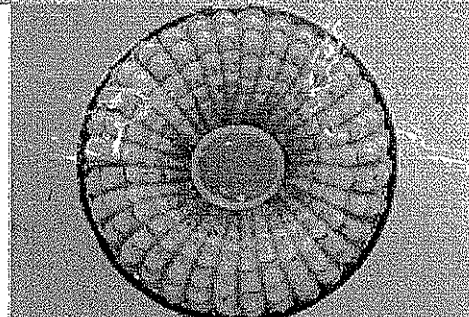
Tôm nguyên con



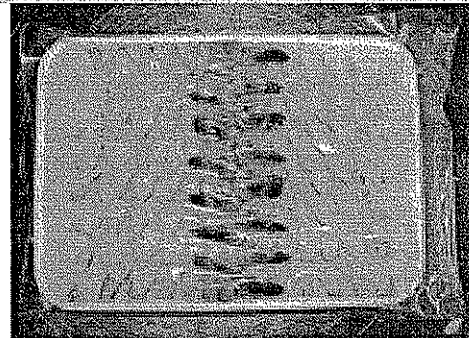
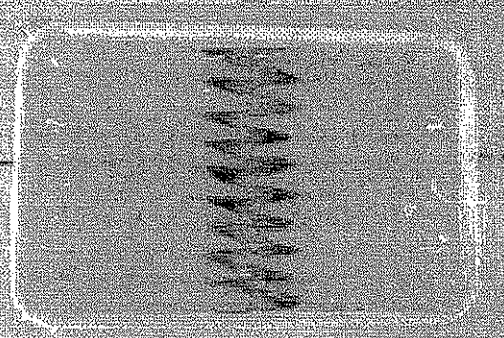
Tôm bỏ đầu



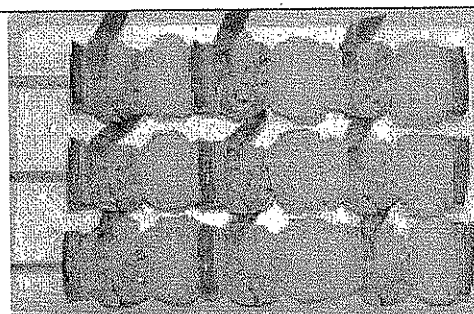
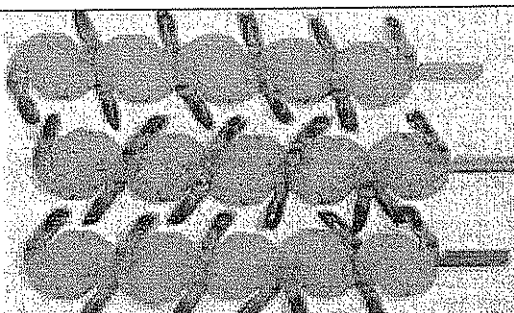
Tôm lột



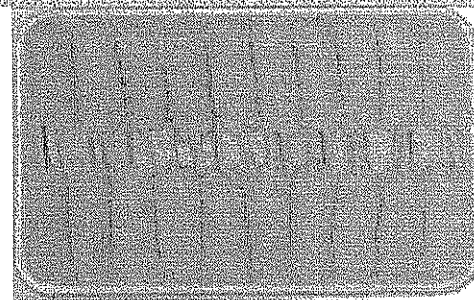
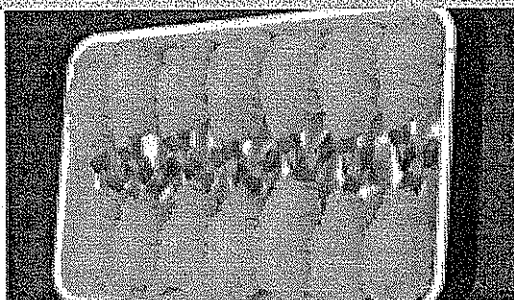
Tôm nobashi



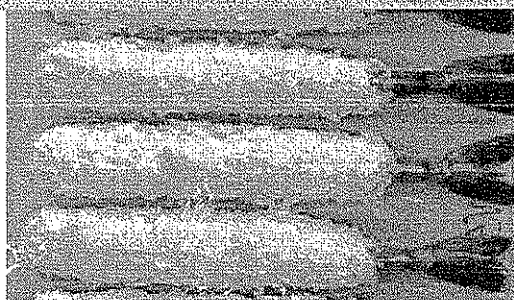
Tôm xiên que



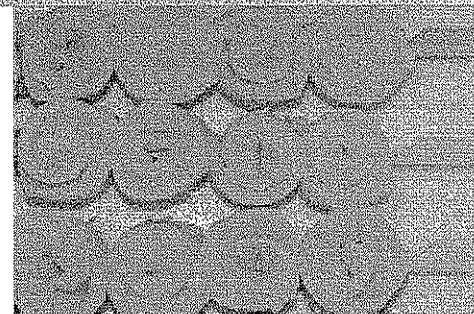
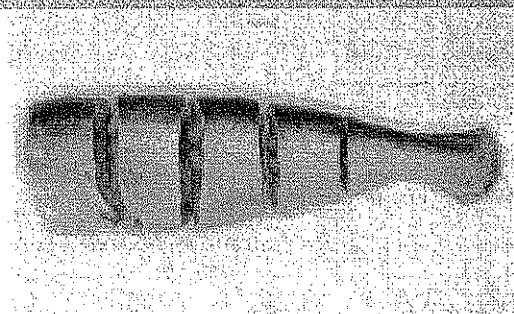
Tôm cuộn khoai tây



Tôm tẩm bột



Cá (Pangasius)



b. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Cơ cấu sản lượng, doanh thu các sản phẩm tôm và thủy sản khác của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long như sau:

Bảng 6: Cơ cấu sản lượng theo sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: Kg

TT	Sản phẩm	Năm 2010	Năm 2011	6 Tháng 2012
1	Nobashi	784.832	400.279	167.301
2	Tôm vỏ	1.133.402	1.916.078	320.419
3	Tôm RPD, PUD	1.511.114	2.965.556	828.228
4	Tôm PTO	1.276.106	300.718	201.937
5	Tôm Nguyên con	1.359.876	236.360	130.213
6	Khác	68.738	290.787	194.949
	Cộng	6.134.068	6.109.779	1.843.046

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2010		Năm 2011		6 Tháng 2012	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Nobashi	208.555	17,33%	128.050	9,49%	44.774	12,35%
2	Tôm vỏ	259.292	21,54%	374.951	27,78%	70.982	19,58%
3	Tôm RPD, PUD	235.138	19,54%	656.954	48,67%	143.234	39,52%
4	Tôm PTO	298.245	24,78%	85.743	6,35%	48.708	13,44%
5	Tôm Nguyên con	198.398	16,48%	40.932	3,03%	17.688	4,88%
6	Khác	3.988	0,33%	63.295	4,69%	37.082	10,23%
	Cộng	1.203.615	100%	1.349.924	100%	362.467	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

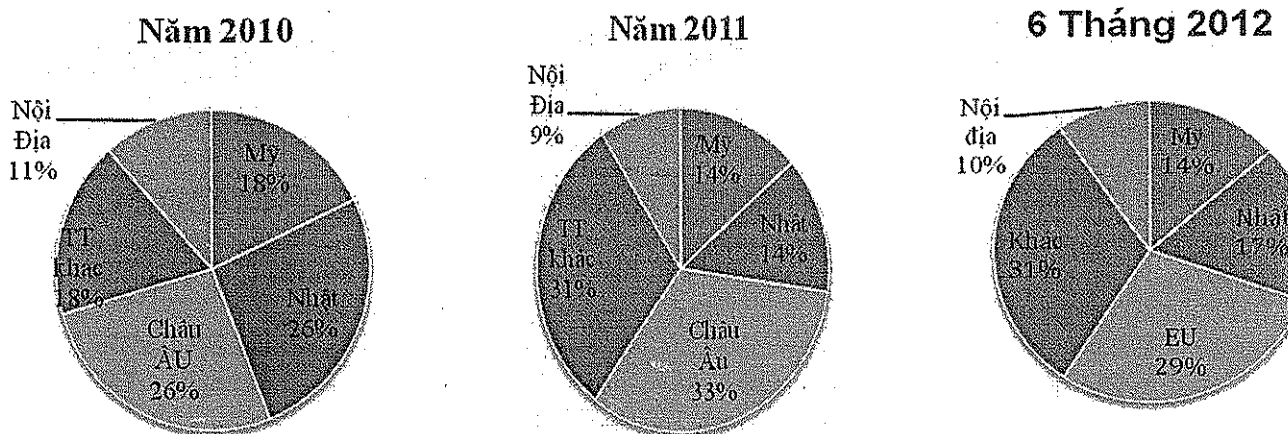
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận theo sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

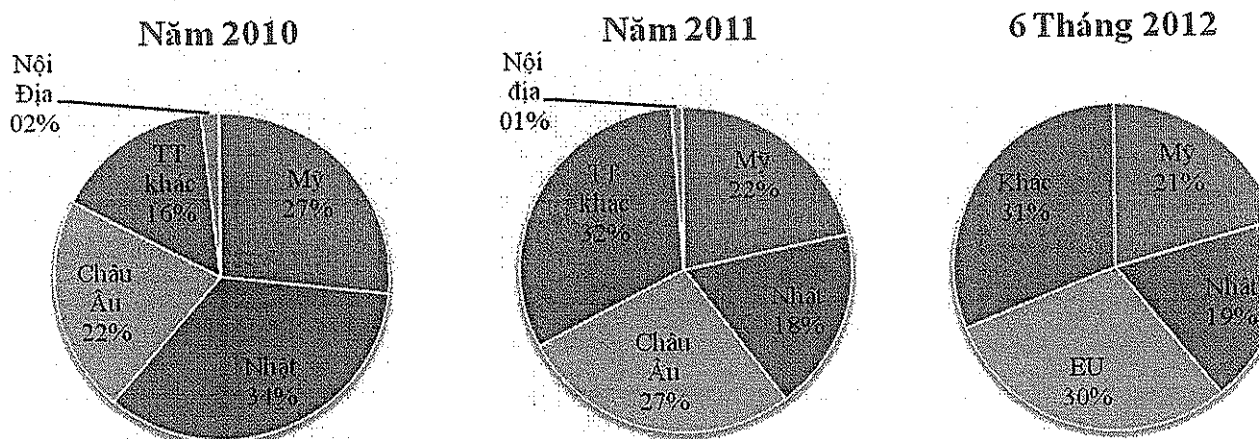
TT	Sản phẩm	Năm 2010		Năm 2011		6 Tháng 2012	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Nobashi	8.035	23,58%	2.329	9,06%	144	9,12%
2	Tôm vỏ	5.023	14,74%	7.096	27,58%	459	28,99%
3	Tôm RPD, PUD	6.607	19,39%	12.483	48,53%	600	37,93%
4	Tôm PTO	5.540	16,26%	1.666	6,48%	165	10,46%
5	Tôm Nguyên con	8.677	25,46%	1.057	4,11%	61	3,86%
6	Khác	198	0,58%	1.093	4,25%	152	9,64%
	Cộng	34.079	100%	25.725	100%	1.581	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Trong các năm vừa qua, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đã từng bước xây dựng thành công thương hiệu “Cuulong Seapro” và xây dựng được mạng lưới khách hàng xuất khẩu ổn định. Các thị trường xuất khẩu chính của Công ty là Mỹ, Nhật và Châu Âu. Đây là các thị trường khó tính và quy định chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm.



Hình 3: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo các thị trường



Hình 4: Cơ cấu kim ngạch xuất khẩu theo các thị trường

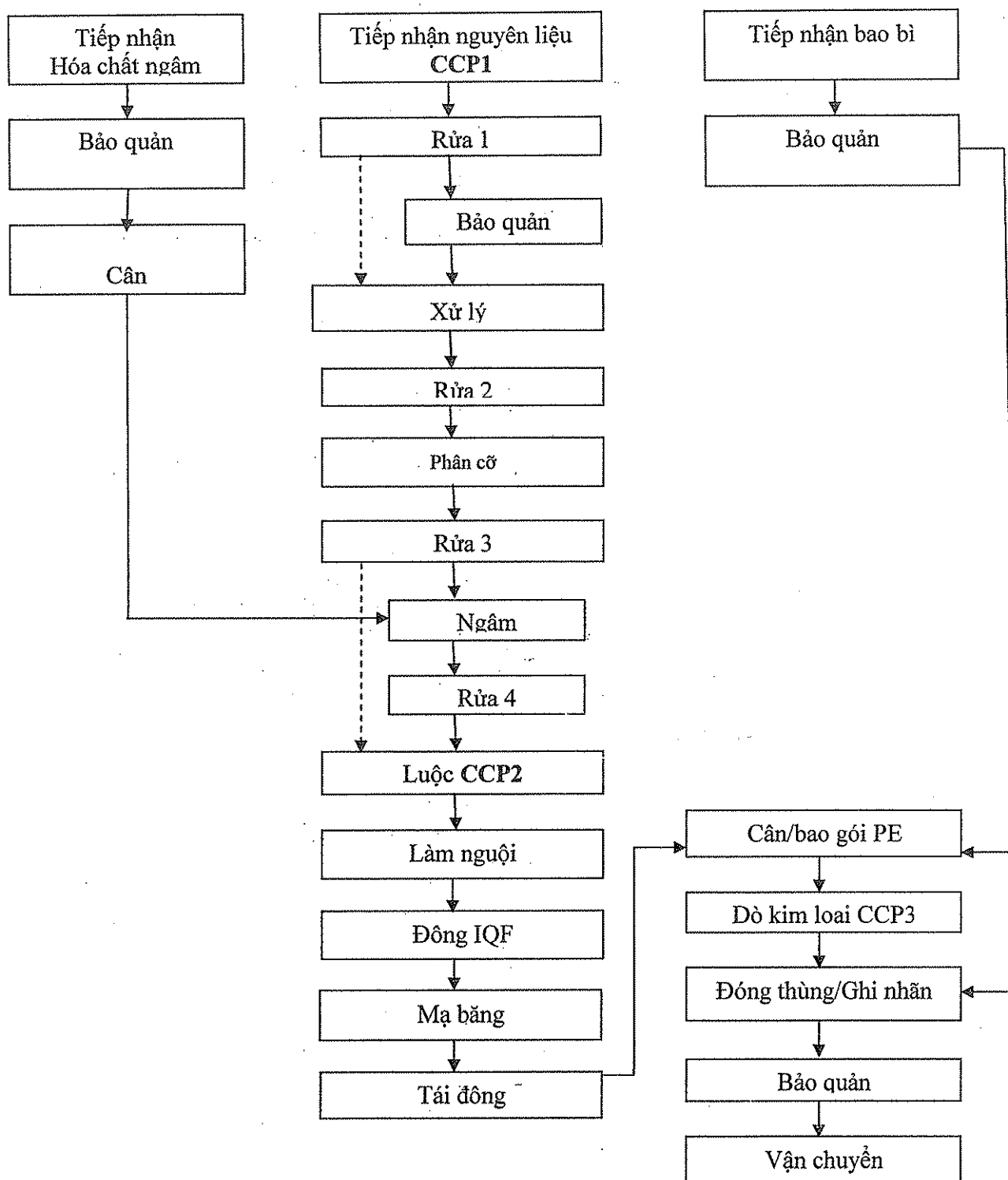
Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Các thị trường xuất khẩu chính của Công ty là Châu Âu, Mỹ, Nhật. Thị trường nội địa đang ở mức rất thấp. Hiện tại, CuulongSeaPro đang nghiên cứu để phát triển thêm những mặt hàng mới, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người Việt Nam nhằm mở thêm kênh phân phối hàng thủy sản để bán ra tại các siêu thị trong nước trong năm 2012.

c. Quy trình sản xuất sản phẩm:

Đối với từ mặt hàng cụ thể, Công ty có quy trình công nghệ chế biến cụ thể. Trong đó, Quy trình công nghệ được tuân thủ nghiêm ngặt để đảm bảo thành phẩm không thay đổi về chất lượng, mùi vị sau khi xả đông, tương đương chất lượng tôm tươi chưa chế biến.

Sau đây là QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN: TÔM SÚ LUỘC ĐÔNG IQF



Hình 5: Quy trình công nghệ chế biến sản phẩm: Tôm sú luộc đông IQF

6.2. Nguyên vật liệu

- **Nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty là tôm tươi nguyên con, được Công ty thu mua từ nông dân, chủ trang trại nuôi trồng, chủ tàu khai thác, các doanh nghiệp thu gom chủ yếu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và các tỉnh lân cận như Bến Tre, Sóc Trăng. Năm 2011, công ty thu mua được 8.786,15 tấn nguyên liệu và sản xuất được 6.174,08 tấn. Năm 2012, công ty dự kiến mua khoảng 9.900 tấn để sản xuất 6.250 tấn thành phẩm.

Để đảm bảo công tác cung ứng nguyên liệu hiệu quả, Công ty thường xuyên nắm bắt thông tin giá cả mua bán nguyên liệu từ nhiều nguồn thông tin khác nhau và dựa trên sản lượng từng mặt hàng để lên kế hoạch cân đối nhu cầu nguyên liệu đảm bảo cung ứng kịp thời phục vụ theo yêu cầu và theo tiến độ sản xuất của nhà máy và giao hàng đúng thời hạn cho khách hàng. Thời gian lưu kho nguyên liệu thu mua phải đảm bảo tươi, công tác bảo quản luôn được chú trọng và nhà máy sẽ điều tiết sản xuất bằng cách tăng ca hợp lý và gọi thêm lao động công nhật để không lưu trữ nguyên liệu sang ngày hôm sau nhằm giải quyết dứt điểm nguyên liệu mua trong ngày. Mỗi ngày dự kiến mua từ 30 – 45 tấn nguyên liệu.

Việc thu mua nguyên liệu tại nguồn của nông dân của Công ty được thực hiện theo đúng quy trình quản lý vệ sinh do ngành thủy sản quy định. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên thăm viếng vùng nuôi, tuyên truyền hướng dẫn cho người nuôi trồng không sử dụng các loại hóa chất có chứa hoạt chất Trifluralin và các loại hóa chất cấm khác theo Thông tư 64/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp.

Bên cạnh nguyên vật liệu chính, Công ty sử dụng thêm một số nguyên vật liệu phụ như: hóa chất, bao bì, vật tư mua trực tiếp từ nhà cung cấp. Việc cung ứng vật tư bao bì tùy theo từng đơn hàng và theo yêu cầu của khách hàng thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết.

- Kiểm tra chất lượng nguyên liệu:

Tất cả những nguyên liệu thu mua từ nhiều nguồn đều được kiểm tra chất lượng gắt gao. Hiện tại, Công ty có Phòng Kiểm nghiệm để kiểm tra vi sinh, tạp chất của các nguyên vật liệu đầu vào, đây là một trong những khâu kiểm soát chất lượng quan trọng, nhất là khi vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đang được đặt lên hàng đầu như hiện nay.

- Ảnh hưởng của tính mùa vụ của nguyên vật liệu:

Tôm là sản phẩm có tính chất mùa vụ trong đó bắt đầu mùa vụ tôm từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm, từ tháng 1 đến đầu tháng 4 và tháng 11, 12 là trái vụ. Với trình độ nuôi tôm của nông dân hiện nay lượng tôm cung cấp chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu tôm vụ hai cho các nhà máy trong vùng.

Để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu quanh năm, hiện Công ty đã xây dựng kho lạnh với trữ lượng 1.450 tấn. Bán thành phẩm được sản xuất trong vụ chính sẽ được trữ lại và đưa vào sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng vào trái vụ. Đồng thời, thành phẩm được tăng cường sản xuất và trữ lại từ vụ chính sẽ giúp cho Công ty ổn định được đầu ra trong các tháng mà nguồn nguyên liệu tôm không dồi dào.

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đặt tại tỉnh Trà Vinh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nằm ở hạ lưu, giữa sông Tiền và sông Hậu, với hơn 65 km bờ biển tiếp giáp với Biển Đông, tỉnh Trà Vinh là nơi cung cấp dồi dào nguồn thủy sản, đặc biệt là tôm sú nuôi với diện tích nuôi khoảng 25.000 ha mặt nước và sản lượng thu hoạch đạt hơn 18.000 tấn. Đây là điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc cung cấp đầu vào cho sản xuất.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp rủi ro về sự không ổn định của nguồn nguyên liệu do sản lượng tôm tự nhiên ngày càng giảm do việc khai thác và đánh bắt bừa bãi, cộng với việc mở rộng diện tích nuôi tôm nên việc sản xuất của công ty phụ thuộc nhiều vào tôm nuôi, như vậy sản lượng sản xuất và tiêu thụ của công ty sẽ rất thấp vào những lúc trái vụ tôm Sú. Bên cạnh đó, việc thu mua nguyên liệu để sản xuất phụ thuộc rất nhiều

vào hiệu quả nuôi trồng tại địa phương cũng như các tỉnh lân cận, sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nguyên vật liệu giữa các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã đẩy giá thu mua lên cao làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty trong thời điểm cuối năm.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long chuyên chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu, các sản phẩm chủ yếu được chế biến từ nguyên liệu tôm sú. Trong giá thành sản xuất, nguyên liệu chính thường chiếm trên 85%, phần còn lại bao gồm: tiền lương, bao bì, vật tư, hóa chất, điện nước... Vì vậy, mọi biến động về nguyên liệu sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến giá thành và sẽ làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong những năm vừa qua, chi phí sản xuất của Công ty luôn được kiểm soát ở mức hợp lý, giá cả thu mua nguyên liệu luôn được điều chỉnh kịp thời và gần với giá mua trên thị trường theo từng thời điểm cụ thể. Do đó, Công ty đảm bảo mua đủ nguyên liệu cung cấp kịp thời cho sản xuất và vẫn đảm bảo khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Tình hình tăng giá nguyên liệu theo xu hướng chung và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp làm tăng giá vốn, tăng chi phí nguyên liệu. Tuy nhiên, việc thu mua nguyên liệu của CuulongSeaPro vẫn thuận lợi, Công ty mua được nguồn nguyên liệu tươi trực tiếp từ người dân, đồng thời vẫn duy trì các nhà cung cấp là đại lý của tỉnh và các tỉnh lân cận như: Bến Tre, Tiền Giang, Bạc Liêu... Bên cạnh đó, giá bán xuất khẩu tăng nên khi giá nguyên liệu tăng cũng không ảnh hưởng đến hiệu quả của doanh nghiệp. Vì vậy, dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng năm 2011 Công ty đạt được hiệu quả tương đối khả quan.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 9: Chi phí sản xuất của Công ty qua các năm

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2010		Năm 2011		6 Tháng 2012	
		Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	1.120.093	93,06%	1.253.656	92,87%	325.620	89,83%
2	Chi phí bán hàng	33.792	2,81%	33.038	2,45%	11.723	3,23%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.969	1,24%	21.018	1,56%	9.261	2,55%
	Tổng cộng	1.168.854	97,11%	1.307.712	96,88%	346.604	95,61%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 Công ty CP Thủy sản Cửu Long

- Giá vốn hàng bán: Tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 giảm từ 93,06% xuống 92,87%. Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của Công ty ở mức khá cao là do đặc thù của lĩnh vực tôm xuất khẩu, Công ty xuất khẩu số lượng lớn cho các khách hàng là các nhà nhập khẩu lớn tại các thị trường nhập khẩu, Công ty không bán trực tiếp đến tay người tiêu dùng cuối cùng.
- Chi phí bán hàng: Trong các chi phí bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng rất cao. Chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu gồm: chi phí cước tàu và chi phí vận chuyển hàng hóa từ Công ty đến cảng do hầu hết sản phẩm của Công ty được xuất khẩu ra nước ngoài.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 tăng từ 1,24% lên 1,56%, nguyên nhân chủ yếu là Công ty tăng chi phí mua bảo hiểm, tiền thuê đất và lương cán bộ văn phòng.

6.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long có 03 xưởng sản xuất với tổng công suất toàn Công ty là 10.000 tấn sản phẩm/năm.

Máy móc thiết bị và trình độ công nghệ:

Máy móc thiết bị sản xuất tôm đông lạnh – mặt hàng chủ đạo của Công ty được nhập khẩu chủ yếu từ Nhật và Đức. Trong quá trình sản xuất, những máy móc này sẽ được các chuyên gia tại Việt Nam nghiên cứu và nâng cấp cho phù hợp với nhu cầu sản xuất cũng như trình độ của công nhân tại nhà máy.

Nhà xưởng, trang thiết bị được đầu tư mới của CuulongSeaPro phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt của thế giới và được EU xem xét cấp Code (DL 31 và DL 36) đủ tiêu chuẩn chế biến thực phẩm xuất khẩu vào Châu Âu.

Bên cạnh đó, Công ty đang áp dụng công nghệ chế biến đông lạnh tiên tiến, tương đương trình độ công nghệ của các doanh nghiệp hàng đầu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long về tính năng, hiệu quả, khả năng tạo sản phẩm chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

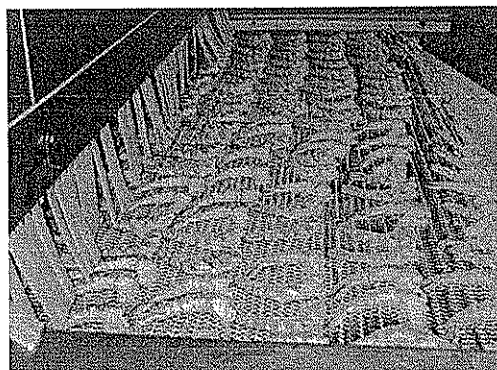
Bảng 10: Một số máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất chính đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

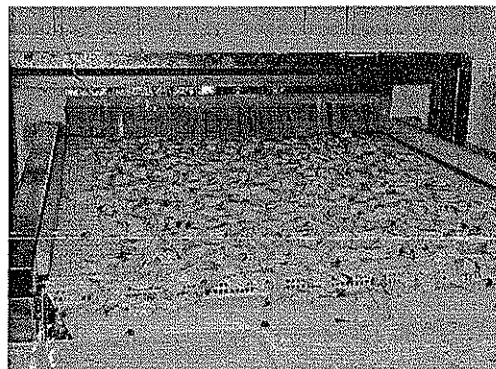
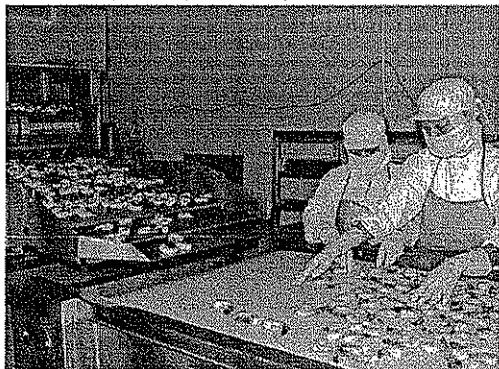
TT	Tên tài sản	Nguyên giá	GTCL	Ngày tính khấu hao	Xuất xứ
1	Hệ thống lạnh phân xưởng 1	15.756,44	14.968,62	01/07/11	Nhật
2	Hệ thống lạnh trung tâm (máy nén và bình áp lực)	8.523,43	5.895,37	01/12/08	Nhật
3	Hệ thống máy phân cỡ điện tử Anritsu (02 bộ PX2)	5.357,45	3.660,92	01/06/10	Nhật
4	Hệ thống phân cỡ điện tử Anritsu (02)	5.085,52	3.296,60	15/07/09	Nhật
5	Dây chuyền cấp đông siêu tốc	5.024,22	1.635,92	Năm 2003	Nhật
6	Hệ thống thiết bị kho lạnh 1.000 tấn	4.220,26	2.680,20	15/08/07	Đức
7	Hệ thống máy phân cỡ điện tử Anritsu (01 bộ PX1)	3.407,70	3.123,72	01/08/11	Nhật
8	Hệ thống máy phân cỡ điện tử Anritsu (01 bộ PX1)	3.311,66	2.980,49	01/07/11	Nhật
9	Băng chuyền IQF 500kg/giờ (02 cái)	3.238,58	2.240,02	01/12/08	Việt Nam
10	Hệ thống máy đá vảy 40 tấn/ngày	2.857,41	1.404,90	01/12/06	Nhật
11	Xe tải lạnh 14,1 Tấn HINO 84C - 007.16	2.217,86	2.071,37	15/07/11	Nhật
12	Tủ đông tiếp xúc 1.000kg/mẻ	2.151,03	1.212,56	21/08/07	Nhật
13	Hệ thống xử lý nước thải công suất 600m3/ngày	2.056,24	1.447,10	15/01/09	Việt Nam
14	Bộ cấp đông IQF	1.904,26	67,32	Năm 2000	Nhật
15	Kho 300 tấn	1.616,59	522,90	Năm 2003	Đức
16	Xe tải lạnh 14T 84L - 3594	1.506,34	771,10	01/08/08	Nhật
17	Cối đá vảy 20 tấn (03 cái) + kho chứa đá (02 cái)	1.437,32	994,15	01/12/08	Việt Nam
18	Tủ đông gió công suất 300 kg/giờ	1.421,77	646,39	21/08/07	Nhật
19	Tủ đông tiếp xúc 1000kg/mẻ	1.342,40	434,21	Năm 2003	Việt Nam
20	Xe nâng hàng kho lạnh 1.000 tấn	1.224,23	640,08	15/09/07	Nhật
...	...				

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

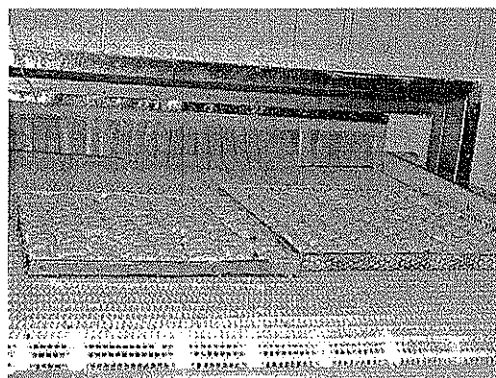
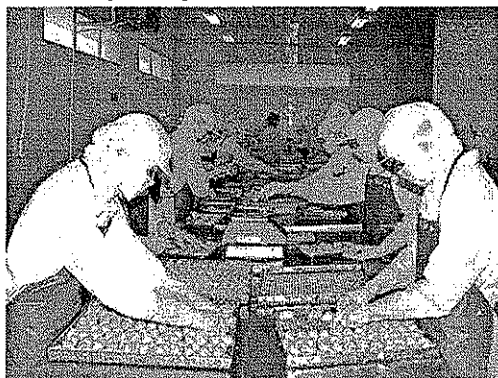
Hình ảnh Dây chuyền chế biến hàng tươi



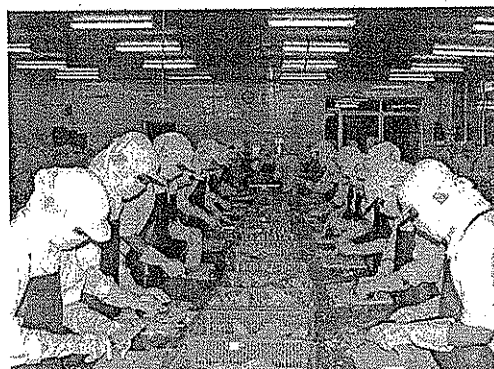
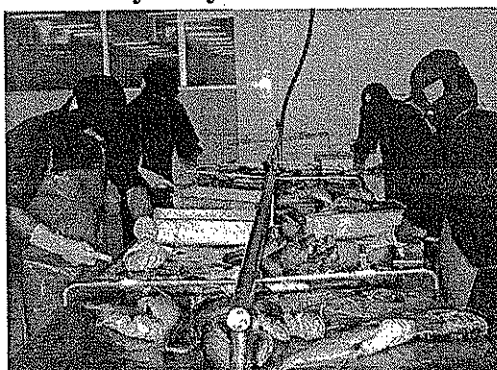
Hình ảnh Dây chuyền chế biến hàng luộc



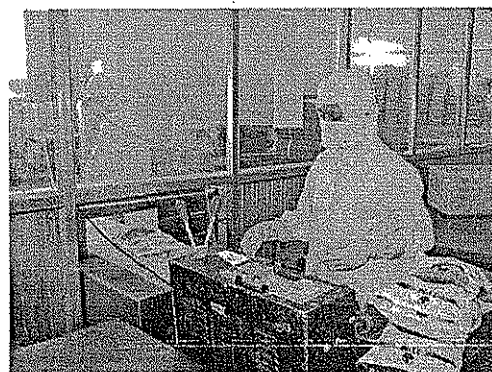
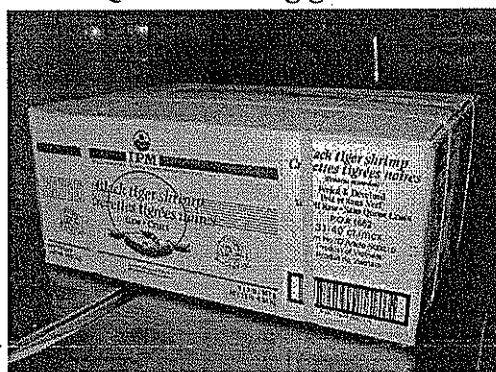
Hình ảnh Dây chuyền Chế biến tôm khoai tây



Hình ảnh Dây chuyền Chế biến cá



Hình ảnh Quy trình đóng gói



Hình ảnh Kho lạnh



6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Từ trước tới nay, do đặc thù doanh nghiệp không bán sản phẩm tới tay người tiêu dùng cuối cùng nên sản phẩm của Công ty còn chưa phong phú, đa dạng. Trong thời gian tới, CuulongSeaPro sẽ chú trọng việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

thông qua việc thường xuyên tiến hành nghiên cứu thị trường và nhu cầu của khách hàng để đề ra chiến lược kinh doanh cho các đối tượng khách hàng và các thị trường. Đặc biệt, CuulongSeaPro đã xây dựng bộ phận Kỹ thuật với đội ngũ cán bộ kỹ thuật có nghiệp vụ chuyên môn cao với nhiệm vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị triển khai sản xuất thêm một số mặt hàng mới như: Tôm quần khoai tây, Tôm tấm gia vị, Tôm xiên que, Cá tra fillet, Tôm xiên rau củ...

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

• Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng;

Các thị trường lớn và khó tính như Nhật, Mỹ hay EU đều đang và sẽ áp dụng các chính sách thắt chặt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng thủy sản nhập khẩu, trong đó có tôm. Đây cũng là rào cản mà các nước nhập khẩu đưa ra để bảo vệ nông dân nước họ. Cụ thể, đầu tháng 11/2010, Nhật Bản quyết định áp dụng kiểm tra 100% tôm nhập khẩu từ Việt Nam chỉ sau khi có vài lô tôm xuất khẩu sang thị trường này nhiễm dư lượng thuốc diệt cỏ Trifluralin. Cuối tháng 11/2010, Mỹ công bố Luật sửa đổi Luật Liên bang về an toàn thực phẩm đã được Thượng viện Mỹ thông qua, theo đó cơ quan FDA sẽ có nhiều quyền hạn hơn trong kiểm tra và giám sát chặt chẽ các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm, cũng như ban hành các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh cụ thể đối với các loại thực phẩm nhập khẩu trong đó có hàng nông sản của Việt Nam.

Mới đây nhất, Quỹ Quốc tế Bảo vệ thiên nhiên (WWF) đưa tôm vùng nhiệt đới (trong đó có Việt Nam) vào “danh sách đỏ” (sản phẩm không nên sử dụng) trong Cẩm nang hướng dẫn tiêu dùng thủy sản tại 6 nước châu Âu gồm: Đức, Áo, Thụy Sĩ, Bỉ, Na Uy và Đan Mạch.

Với tình hình trên, có thể nhận định rằng, chất lượng – vệ sinh an toàn thực phẩm là vấn đề thật sự quan trọng, quyết định tính sống còn của nghề nuôi và chế biến tôm xuất khẩu Việt Nam. Ý thức rõ ràng về vấn đề này, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long luôn luôn nghiêm túc trong vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và toàn ngành.

Hiện tại Công ty đang quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản của Bộ Thủy sản Việt Nam.
- HACCP (Hazard Analysis Critical Control Points): Hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích mối nguy và thực hiện các biện pháp kiểm soát các điểm tới hạn. Hệ thống quản lý chất lượng HACCP của Công ty đã được NAFIQAVED cấp chứng nhận.
- ISO 9001:2008: Do TUV-NORD CERT GmbH cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009 (ngày hết hạn 11.07.2012)
- BRC (British Retail Consortium) Global Standard For Food Safety – Issue 5 – B Grade, Do UKAS cấp ngày 17/06/2010. Tiêu chuẩn BRC có phạm vi chứng nhận cho quá trình chế biến sản phẩm tôm tươi và tôm hấp chín đông lạnh.
- ISO/IEC 17025:2005 – VILAS 365, Do VILAS VIỆT NAM cấp ngày 22 tháng 07 năm 2009 (ngày hết hạn 22/07/2012).
- Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ACC (Aqua Culture Certificate).

Các hệ thống quản lý chất lượng trên được hầu hết các nước trên thế giới chấp nhận và xem nó như là phương pháp xác định chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất. Ngay từ khi thương thảo hợp đồng với khách hàng, CuulongSeaPro đã đưa ra những cam kết bảo đảm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm của mình. Với quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra, CuulongSeaPro có thể quản lý được an toàn vệ sinh sản phẩm của mình.

• **Quy trình kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của CuulongSeaPro:**

Quy trình kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của một lô hàng được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, từ khâu thu mua nguyên liệu đến khâu đóng gói và tiêu thụ, thông qua hình thức lấy mẫu nguyên liệu, bán thành phẩm tại các công đoạn trên quy trình sản xuất, bán thành phẩm sau luộc, bán thành phẩm tại công đoạn chờ đông, thành phẩm sau đông, các bề mặt tiếp xúc sản phẩm.

Khi có lô hàng sản xuất tại các phân xưởng thuộc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long không đáp ứng được các tiêu chuẩn vi sinh quy định thì chất lượng lô hàng coi như không phù hợp và không được phép xuất.

Nếu là mẫu vệ sinh công nghiệp có mẫu kiểm không đạt theo yêu cầu của tiêu chuẩn được xem như việc vệ sinh chưa đạt yêu cầu và phải thực hiện hành động sửa chữa.

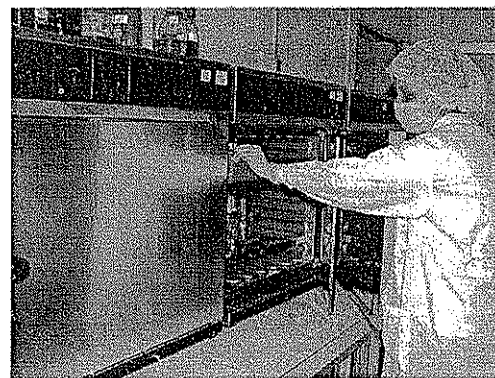
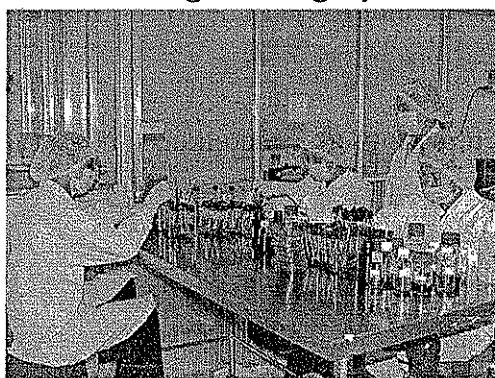
• **Bộ phận kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của công ty:**

Hoạt động kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của Công ty do Phòng Kiểm nghiệm phụ trách. Đây là một trong những hoạt động được Công ty đặc biệt coi trọng do ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và uy tín của Công ty.

Phòng Kiểm nghiệm của Công ty hiện có 07 người, trong đó có Trưởng phòng, nhân viên đại diện chất lượng, kiểm nghiệm viên và nhân viên phụ trợ. Các nhân viên của Phòng Kiểm nghiệm hầu hết có bằng Đại học chuyên ngành công nghệ sinh học hoặc chế biến thủy sản.

Phòng Kiểm nghiệm có chức năng tổ chức giám sát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, đánh giá chất lượng từng lô hàng trước khi xuất, thực hiện kiểm tra vi sinh, giám sát việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.

Hình ảnh Phòng kiểm nghiệm



6.7. Hoạt động Marketing

a. Chính sách giá cả

Giá cả sản phẩm của CuulongSeaPro được xây dựng dựa trên giá nguyên liệu, định mức chế biến, chi phí chế biến, chi phí bán hàng, chi phí khác liên quan, lợi nhuận ước đạt. Tuy nhiên, Công ty luôn thực hiện chính sách thanh toán linh động cho từng đối tượng khách hàng để giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh, có mức chiết khấu hợp lý cho trung gian và các nhà nhập khẩu.

b. Kênh phân phối

Thông qua các nhà nhập khẩu, Công ty sẽ đưa hàng vào thị trường các nước trên thế giới. Nhu cầu tiêu thụ hàng của từng nước khác nhau, do đó lựa chọn khách hàng cho việc phân phối hàng tương ứng với nhu cầu của từng thị trường.

- Thị trường Nhật:

Tên hàng	Quy cách chế biến				
	HLSO	PD/PUD	PTO	Nobashi	HOSO
Tôm sú	x	x		x	x
Tôm thẻ Vannamei		x		x	

- Thị trường EU:

Tên hàng	Quy cách chế biến					
	HLSO	PD/PUD (tươi + luộc)	PTO (tươi + luộc)	Skewer	HOSO	Tôm quán khoai tây, tôm xiên rau củ
Tôm sú	x	x	x		x	x
Tôm sắt		x				
Tôm thẻ Vannamei	x	x	x			

- Thị trường Mỹ và Canada:

Tên hàng	Quy cách chế biến					
	HLSO	Tẩm bột	PD/PUD (tươi + luộc)	PTO (tươi + luộc)	Skewer	HOSO
Tôm sú	x	x	x	x		

- Thị trường khác như: Trung Quốc, Úc, New Zealand, các nước Trung Đông...

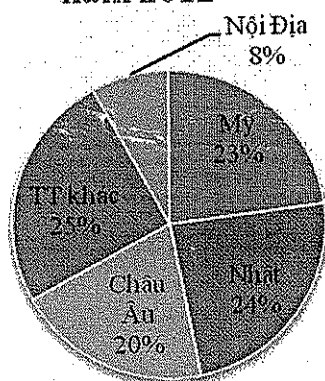
Tên hàng	Quy cách chế biến				
	HLSO	PD/PUD (luộc)	PTO (luộc)	Skewer/Tẩm bột/Gia vị	HOSO
Tôm sú	x	x	x	x	x
Tôm sắt		x			
Tôm thẻ Vannamei	x	x	x		

c. Kế hoạch Marketing năm 2012

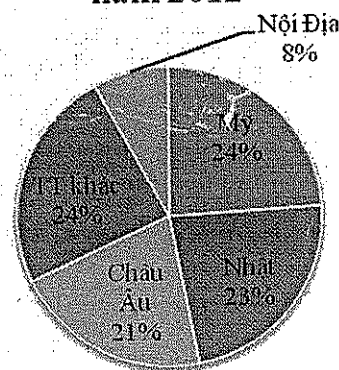
❖ **Mục tiêu:**

Công ty từng bước xây dựng thành công thương hiệu “Cuulong Seapro” trên thị trường trong và ngoài nước. Năm 2012, Công ty tiếp tục duy trì khách hàng truyền thống, bên cạnh đó việc mở rộng và tìm kiếm thêm khách hàng mới, thị trường mới là cần thiết và mang tính quyết định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sản lượng XK dự kiến năm 2012



Kim ngạch XK dự kiến năm 2012



Hình 6: Cơ cấu doanh số và sản lượng xuất khẩu dự kiến năm 2012

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

❖ *Chiến lược Marketing năm 2012:*

Sản phẩm:

- Tiếp tục khẳng định thương hiệu “Cuulong Seapro” bằng việc tiếp tục làm mới các sản phẩm bằng chất lượng và an toàn vệ sinh, tạo sự an tâm của khách hàng từ các thị trường hiện tại. Đặc biệt với nhóm thị trường EU, thị trường Nhật cần yêu cầu các sản phẩm đa dạng, phân khúc rõ ràng về chất lượng, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo tiêu chuẩn quy định.

Nhóm mặt hàng mới: Tôm Nobashi Vannamei được CuulongSeaPro từng bước nghiên cứu và tiếp thị mặt hàng này vào các thị trường trong năm 2012 với sản lượng thử nghiệm. Ưu điểm của sản phẩm này là cỡ tôm nhỏ đang là xu hướng mua hàng của các nhà nhập khẩu. Nhóm các mặt hàng chế biến từ tôm Thẻ Vannamei bao gồm: HLSO, PDTTO, PD tươi – hấp – chân, xiên que, tẩm gia vị...

Giá:

- Các chính sách giá mà CuulongSeaPro đưa ra năm 2012 sẽ được xây dựng theo các nhóm khác nhau, do đòi hỏi cao của một số thị trường rất nhạy cảm về giá và cứng nhắc trong đàm phán.

Phân phối:

- Xây dựng kế hoạch bán hàng nội địa cho các mặt hàng giá trị cao như tôm tẩm bột, tôm cuộn khoai tây,... để vào được hệ thống siêu thị, nhà hàng trên toàn quốc.
- Duy trì và phát triển các thị trường hiện có như Nhật Bản, Australia, Mỹ, Singapore, EU, Hàn Quốc. Đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu sang New Zealand, Đông Âu, Trung Đông, Ukraina bằng các mặt hàng giá trị gia tăng. Đặc biệt, CuulongSeaPro sẽ đẩy mạnh tiếp xúc với các nhà nhập khẩu để thâm nhập thêm vào hệ thống bán buôn, bán lẻ và quan tâm nhiều hơn đến việc sản xuất các nhãn hiệu bán vào siêu thị vì đây là lượng hàng sẽ được bán ổn định số lượng lớn.

❖ *Phương thức xúc tiến bán hàng:*

Vấn đề xúc tiến thương mại đối với Công ty luôn được xác định là công việc thường xuyên và liên tục. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát

triển và thuận tiện, vì vậy việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Công ty thường thông qua website của Công ty và internet để tìm kiếm khách hàng mới. Đặc biệt qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế như: Hội chợ Vietfish của Việt Nam, Hội chợ thủy sản Boston (Mỹ), Hội chợ thủy sản Tokyo (Nhật Bản), Hội chợ thủy sản Seoul (Hàn Quốc), Hội chợ thủy sản Brussel (Bỉ)... Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng truyền thống cũng như khách hàng tiềm năng, từ đó mở ra được các cơ hội tốt cho công việc kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty cử cán bộ tham gia đoàn công tác của các bộ ngành chính phủ viếng thăm các quốc gia để kết hợp tìm hiểu thị trường.

Mặt khác, hàng năm CuulongSeaPro đều cùng các đoàn gồm các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam do VASEP tổ chức đi ra nước ngoài để khám phá thị trường mới, tham gia các cuộc hội thảo quảng bá các sản phẩm thủy sản của Việt Nam ở trong nước cũng như nước ngoài.

Ngoài ra, CuulongSeaPro thông qua tham tán thương mại thuộc đại sứ quán Việt Nam ở các quốc gia trên thế giới để giới thiệu về Công ty bằng hình thức gửi các tài liệu giới thiệu về Công ty (brochure/profile).

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Bên cạnh việc tích cực quảng bá thương hiệu, CuulongSeaPro đã thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 7991 do Cục Sáng chế thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp ngày 31/03/1993 cho nhóm hàng hóa: Tôm đông lạnh và các hải sản khác thuộc nhóm này.



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện (đã được ký đến hết 23/08/2012 công ty mẹ)

Khách hàng	Mặt hàng	Giá trị hợp đồng (USD)	Thời gian thực hiện
Limson Trading Inc.	Tôm RPTO, CPTO, RPD, RHL SO	609.860	Tháng 5-6/2012
Freshpack Exploitation S.A	Tôm CPD	303.000	Tháng 5-2012
Setraco NV Frozen Seafood	Tôm Nobashi, RPD	227.683	Tháng 5-2012
Hanwa Co., Ltd (Tokyo)	Tôm Nobashi	133.432	Tháng 6-2012
Metro Marine Corporation	Tôm Nobashi, RPTO, RHL SO	363.676	Tháng 5-6/2012
Truong Vinh AG	Tôm CPTO, CPD	149.450	Tháng 5-2012
Mazzetta company llc	Tôm RPTO Xiên que	576.592	Tháng 5-7/2012
DAELIM SEAFOOD...CO.LTD	Tôm Nobashi, RPTO Xiên que	1.332.650	Tháng 5-6 và giao hàng từng phần đến 12/2012
Mazzetta company llc	Tôm PTO, PD, Vỏ	2.649.600	Tháng 8; 9; 10/2012
Limson Trading Inc.	Tôm PTO, RPD, vỏ	2.259.901	Tháng 8; 9; 10; 11/2012
Freshpack Exploitation S.A	Tôm CPD	1.428.140	Tháng 8; 9; 12/2012 & Tháng 2/2013
Hanwa Co., Ltd (Tokyo)	Tôm PD, Nobashi	946.150	Tháng 8; 9/2012
TAI FOONG USA, INC	Tôm PTO	765.600	Tháng 8; 9/2012
Proda alimenti Spa	Tôm nguyên con	685.740	Tháng 8; 9; 10/2012
DAELIM SEAFOOD...CO.LTD	Tôm Nobashi	426.600	Tháng 12/2012
Seamark plc	Tôm PTO, PD	394.880	Tháng 8; 9/2012
Miramar trading AB	Tôm PTO, RPD, vỏ	384.698	Tháng 8; 10/2012

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010, 2011, 6 tháng 2012.

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHI TIÊU	NĂM 2010	Năm 2011	% so với năm 2010	6 Tháng 2012
1	Tổng giá trị tài sản	401.171	607.086	51,33%	616.229
2	Doanh thu thuần	1.203.615	1.349.924	12,16%	362.467
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	34.517	21.372	-38,08%	1.581
4	Lợi nhuận khác	(1.929)	2.615	-235,56%	(4)
5	Lợi nhuận trước thuế	34.079	25.725	-24,51%	1.842
6	Lợi nhuận sau thuế	30.785	23.857	-22,50%	1.548
	LN sau thuế Công ty mẹ	30.212	23.485	-22,27%	1.501
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	39,72%	61,32%	54,38%	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 Công ty CP Thủy sản Cửu Long

Tổng tài sản năm 2011 tăng hơn 51% so với năm 2010 do Công ty tăng dự trữ thành phẩm vào cuối năm nhằm tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu đầu vào do giá nguyên vật liệu thường có xu hướng tăng trong giai đoạn trái vụ (thường từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau) và việc tăng dự trữ này cũng nhằm mục đích đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu trong Quý I, Quý II năm 2012.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010 của Công ty có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2009, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2010 so với năm 2009 lần lượt là 49,74% và 46,15%. Tuy nhiên, trong năm 2011 doanh thu thuần của Công ty chỉ tăng 12,16% so với năm 2010 và lợi nhuận sau thuế năm 2011 giảm 22,5% so với năm 2010. Nguyên nhân do: thị trường châu Âu là một trong những thị trường chính của Công ty đang trong tình trạng khủng hoảng nợ công và các nước châu Âu đang thắt chặt chi tiêu, các hợp đồng được ký kết của thị trường EU chủ yếu các cỡ nhỏ có giá trị thấp; mặt khác lãi suất ngân hàng năm 2011 tăng cao so với năm 2010, có thời điểm là 18% - 24%/năm khiến chi phí của Công ty tăng cao làm giảm lợi nhuận.

Lợi nhuận khác năm 2010 là -1.929.546.383 đồng, nguyên nhân do Chi phí khác của Công ty tăng, chủ yếu là chênh lệch lỗ khi xác định lại ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2010 và Thuế giá trị gia tăng không được hoàn. Số chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 1.497.715.439 đồng.

Lợi nhuận khác năm 2011 đạt 2,614 tỷ đồng do trong kỳ Công ty đã nhượng bán toàn bộ giá trị tài sản vùng nuôi cá Tra ấp Đại Đức, Đức Mỹ, Càng Long, Tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích 14.626m² do kinh doanh không hiệu quả. Giá trị chuyển nhượng thu được 18,5 tỷ đồng và giá vốn khoảng 15,64 tỷ đồng.

Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2012 đạt 362,5 tỷ (giảm 5% so với cùng kỳ năm ngoái), đạt khoảng 30% kế hoạch cả năm 2012, do tính chất mùa vụ thu hoạch tôm thường vào quý 2, quý 3 hàng năm. Căn cứ các hợp đồng đã ký kết và tình hình chung của thị trường tôm xuất khẩu, công ty vẫn tin tưởng hoàn thành kế hoạch năm 2012.

Giải trình ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010:

Trong Báo cáo kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010, kiểm toán viên có lưu ý về phương pháp hạch toán hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Đông lạnh Long Toàn (công ty con) được thực hiện theo phương pháp kê khai định kỳ, khác với phương pháp hạch toán hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (công ty mẹ) là phương pháp kê khai thường xuyên. Việc điều chỉnh từ phương pháp hạch toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai định kỳ sang phương pháp kê khai thường xuyên cho nhất quán với quy định hiện hành về việc hợp nhất báo cáo tài chính tại mục 19 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính vẫn giữ Kết quả kinh doanh (hợp nhất) trên Báo cáo tài chính hợp nhất có lãi, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng 767,6 triệu đồng lên 31.553 triệu đồng.

Giải thích thông tin hàng tồn kho tăng mạnh từ cuối năm 2010 đến nay và khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty hiện nay:

Do đặc thù của ngành thủy sản vụ thu hoạch tôm sú thường vào quý 2 và quý 3 hàng năm nên Công ty thường dự trữ hàng để thực hiện các hợp đồng xuất khẩu thời điểm trái vụ vào quý 1 và quý 4. Bên cạnh đó, mùa vụ thu hoạch tôm của người nuôi năm 2011 chủ yếu là tôm cỡ lớn nên giá trị hàng tồn kho tăng. Khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty hiện nay được giữ vững và ổn định cũng như vẫn duy trì các khách hàng xuất khẩu của các thị trường chính Mỹ, Nhật, Châu Âu và mở rộng các thị trường khác như Singapore, New Zealand, Úc, Hàn Quốc... (cụ thể giá trị kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2012 tương đương cùng kỳ 2011 khoảng hơn 14 triệu usd).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của CuulongSeaPro:

❖ Thuận lợi:

- Với kinh nghiệm có được qua hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản, Cuulong SeaPro đã đáp ứng được yêu cầu và tạo được lòng tin nơi khách hàng tại các thị trường lớn như Nhật Bản, Bắc Mỹ, EU,...
- CuulongSeaPro đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của các thị trường như EU, Mỹ, Canada, Nhật, Úc... Hệ thống quản lý chất lượng của Cuulong SeaPro ngày càng phát huy tác dụng và tạo được những hiệu quả tích cực đến nhiều mặt hoạt động của Công ty.
- Máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ của Công ty đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Giá trị xuất khẩu của ngành tôm ngày càng tăng, do thủy sản đang có xu hướng được tiêu dùng nhiều hơn để đảm bảo sức khỏe.

❖ Khó khăn:

- Do khủng hoảng tài chính và nợ công, rào cản kỹ thuật về hàng rào phi thuế quan do các nước nhập khẩu quy định như các chỉ tiêu kiểm tra dư lượng kháng sinh, hóa chất, thuế chống bán phá giá khiến cho sức tiêu thụ mặt hàng tôm đông lạnh

bị sụt giảm, đồng thời tỷ giá USD và đồng Việt Nam xuống thấp không thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

- Mùa vụ tôm sú 2011 tập trung trong thời gian ngắn, chỉ tập trung khoảng 03 tháng, tạo nên sức ép thiếu nguyên liệu cho việc sản xuất của Công ty vào lúc trái vụ. Công ty chưa kịp thời sản xuất mặt hàng tôm thẻ chân trắng thay thế cho tôm sú vào lúc trái vụ.
- Các hợp đồng được ký kết của thị trường EU chủ yếu các cỡ nhỏ và có giá trị thấp.
- Công ty chưa có nguồn nguyên liệu tập trung nên gặp khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng (dư lượng kháng sinh,...) để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của nước nhập khẩu. Bên cạnh đó, năm 2011 vẫn tiếp tục diễn ra tình trạng thiếu tôm nguyên liệu, bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến thủy sản còn cạnh tranh gay gắt, dẫn tới giá tôm nguyên nguyên liệu tăng mạnh, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
- Sản phẩm thủy sản chế biến đông lạnh đặc biệt là các mặt hàng tôm đông lạnh xuất khẩu chịu tác động khắt khe về vệ sinh và an toàn chất lượng. Thị trường Nhật kiểm tra 100% các chỉ tiêu an toàn về kháng sinh (như Triluralin, Enprofloxacin...). Năm 2011 kim ngạch xuất khẩu của thị trường Nhật đạt 11.197.530 USD giảm 43,4% so với năm 2010 (19.984.690 USD) đã làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.
- Lãi suất ngân hàng tăng cao, đặc biệt vào thời điểm cuối quý 2/2011 lãi suất lên đến 18 – 24%/năm. Bên cạnh đó giá nhiên liệu, vật tư bao bì, điện nước cũng tăng mạnh làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của đơn vị.
- Sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực tại địa phương đã tạo nên sự khan hiếm lao động tại Công ty vào mùa vụ chính đã gây trở ngại đến việc đẩy nhanh tốc độ sản xuất tại thời điểm này.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Thông tin chung về ngành thủy sản

Ngành thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực, đóng góp khoảng 4% GDP của nền kinh tế. Giai đoạn 2000 – 2008, ngành có tốc độ tăng trưởng khá nhanh, bình quân đạt 15%/năm. Giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam bị chững lại trong năm 2009, tăng trưởng âm 6% chủ yếu do sự sụt giảm ở mảng cá tra, basa. Năm 2010, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt trên 4,9 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2011, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 6,1 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2010 và tăng gấp hơn 3 lần so với mức 2 tỷ USD năm 2002. Tổng lượng thủy sản của Việt Nam trong năm 2011 đạt 5,2 triệu tấn, trong đó khai thác thủy sản đạt 3 triệu tấn và nuôi trồng thủy sản đạt mức sản lượng 2,2 triệu tấn. Hiện tại, Việt Nam là một trong 10 nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới.

❖ ***Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của ngành:***

Lần đầu tiên vượt qua mốc 2 tỷ USD xuất khẩu vào năm 2010, tôm xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng mạnh với giá trị năm 2011 đạt gần 2,4 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tôm sú chiếm 59,7% tổng giá trị, xuất khẩu tôm chân trắng chiếm 29,3%, còn lại là tôm các loại khác. Mặt hàng tôm xuất khẩu Việt Nam hiện đã có mặt ở hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đứng thứ 2 là ngành xuất khẩu cá tra với lượng ngoại tệ mang về cho đất nước hơn 1,8 tỷ USD (tăng gần 26,5%) với khối lượng xuất khẩu trên 600.000 tấn (tăng 3% so với năm 2010).

Năm 2011, đã có hơn 230 doanh nghiệp tham gia vào mảng xuất khẩu cá tra đến hơn 130 thị trường trên thế giới. Trong đó, 10 thị trường lớn nhất chiếm 73% về giá trị, tăng so với mức trên 70% cùng kỳ năm ngoái. Giá trị xuất khẩu cá tra năm 2011 đạt 379,4 triệu USD, so với cùng kỳ năm ngoái tăng 29,4%. Năm 2011, giá trị xuất khẩu mực, bạch tuộc của cả nước đạt 520,3 triệu USD, tăng 31% so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ cả năm 2011 đạt gần 82 triệu USD. Đây là mặt hàng duy nhất trong nhóm hàng hải sản giảm sút về giá trị xuất khẩu so với năm trước. Năm 2011, nguồn nguyên liệu nghêu (đặc biệt là nghêu trắng) bị thiệt hại nặng tại nhiều địa phương ở ĐBSCL, ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng này.

❖ ***Thông tin về sản phẩm tôm xuất khẩu:***

Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu tôm hàng đầu Việt Nam chiếm khoảng 47% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam. Trong đó, Tập đoàn thủy sản Minh Phú ở vị trí số 1 với giá trị xuất khẩu gần 280 triệu USD, chiếm 17,12% tỷ trọng, (số liệu 07

tháng đầu năm 2012). Nhìn chung, ngành xuất khẩu tôm Việt Nam có độ phân tán rộng, phần lớn là các doanh nghiệp cỡ vừa và nhỏ với giá trị xuất khẩu dưới 50 triệu USD / năm.

Bảng 13: Danh sách 10 doanh nghiệp xuất khẩu tôm hàng đầu Việt Nam

TT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Giá trị XK 7 Tháng 2012 (triệu USD)	Tỷ trọng toàn ngành (%)
1	CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (Minh Phu Seafood Corp)	MPC	208,46	17,12
2	Công ty Quốc Việt		61,59	5,07
3	CTCP Thủy Sản Sóc Trăng (Stapimex)		59,61	4,90
4	CTCP Chế biến và Dịch vụ Thủy sản Cà Mau (Cases)		44,75	3,68
5	Công Ty CP Chế Biến Thủy Sản Út Xi (Utxico)		37,56	3,09
6	CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN)	FMC	36,89	3,04
7	CTCP Thủy sản Minh Hải (Sea Minh Hải)		35,25	2,90
8	Công ty Cổ phần Hải Việt (Havico)	SHV	32,12	2,64
9	Công ty Thuận Phước		32,11	2,64
10	CTCP Chế Biến Thủy Sản và XNK Cà Mau (CAMIMEX)		29,69	2,44
...	...			
16	CTCP Thủy Sản Cửu Long (CUULONG SEAPRO)		19,68	1,62

Nguồn: VASEP

Năm 2011, mặt hàng tôm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, chiếm 39,8%. Mặc dù nguồn nguyên liệu tôm sú thiếu hụt nghiêm trọng do dịch bệnh ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nhưng lại được bù đắp bằng nguồn cung cấp tôm chân trắng và một phần đáng kể nguồn tôm nhập khẩu từ các nước, nên xuất khẩu tôm vẫn duy trì tăng trưởng khả quan gần 14%

so với năm trước. Xuất khẩu tôm sú giảm 0,6% trong khi xuất khẩu tôm chân trắng tăng gần 70% về giá trị so với năm 2010.

Năm 2011, tôm Việt Nam có mặt ở 91 thị trường trên thế giới. Trong đó, các thị trường xuất khẩu tôm Việt Nam, Mỹ, Nhật, EU là 3 thị trường lớn nhất (chiếm 66% tổng giá trị XK tôm của Việt Nam) trong đó Nhật Bản chiếm tỷ trọng cao nhất với 25%. Đã có thời điểm, Mỹ vượt qua Nhật Bản trở thành thị trường nhập khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam tuy nhiên, Nhật Bản nhanh chóng lấy lại vị trí này ngay một tháng sau đó. Năm 2011, EU là thị trường duy nhất trong 3 thị trường chính duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định. Top 10 thị trường nhập khẩu tôm Việt Nam lớn nhất (gồm Nhật Bản, Mỹ, Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Canada, Australia, Đài Loan, Anh) chiếm tới 82% tỷ trọng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.

- *Thị trường Nhật Bản:* Xuất khẩu tôm vào Nhật năm 2011 đạt 607,2 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2010. Năm 2011 chứng kiến sự trỗi dậy đáng kể trong xuất khẩu tôm sang Nhật Bản. Do sự cộng hưởng của thiên tai tại Nhật Bản và khủng hoảng kinh tế thế giới, khối lượng nhập khẩu tôm vào Nhật Bản 10 tháng đầu năm 2011 giảm gần 4%. Trong 5 nước cung cấp tôm hàng đầu cho Nhật Bản gồm Thái Lan, Việt Nam, Indônêxia, Ấn Độ và Trung Quốc thì có tới 3 nước đứng đầu giảm khối lượng xuất khẩu tôm sang thị trường này so với cùng kỳ năm 2010, cụ thể: Việt Nam giảm mạnh nhất 22,2%; Thái Lan giảm 3,7%; Indônêxia: giảm 4,1%. Ngược lại, nhập khẩu từ Ấn Độ và Trung Quốc lại tăng khá với mức tăng tương ứng 4,7% và 23,3%.

Góp phần vào mức sụt giảm này cũng phải nhắc tới việc Nhật Bản áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra 100% Enrofloxacin vào đầu tháng 6 trong khi ngành tôm vẫn đang “loay hoay” với hàng loạt lô tôm xuất khẩu sang Nhật Bản chứa dư lượng Trifluralin, một hoạt chất diệt cỏ bị phía Nhật thắt chặt kiểm tra tới 100% vào tháng 9 năm ngoái.

- *Thị trường Mỹ:* Năm 2011, xuất khẩu tôm sang Mỹ đạt 558,5 triệu USD, tăng 1% về giá trị so với năm trước. Năm 2011, dịch bệnh trên tôm sú dường như đã làm Việt Nam mất đi ưu thế của mình về xuất khẩu tôm cỡ lớn sang Mỹ. Thống

- kê của Cơ quan thống kê Mỹ cho thấy, xuất khẩu tôm cỡ lớn U/15 vào thị trường này 10 tháng đầu năm giảm 3,3%.
- *Thị trường EU:* Xuất khẩu tôm sang EU năm 2011 tăng 20% về giá trị so với cùng kỳ năm 2010 đạt 412,8 triệu USD. EU là thị trường chính duy nhất trong ba thị trường nhập khẩu tôm hàng đầu duy trì sức tăng trưởng dương trong suốt 11 tháng đầu năm; Tuy nhiên, tháng 12, xuất khẩu tôm sang EU đã bị sụt giảm đáng kể (giảm 11%) do nhập khẩu vào Bỉ giảm mạnh (35,5%). Đức, Anh, Bỉ, Pháp, Hà Lan là 5 thị trường NK tôm hàng đầu EU, chiếm 81% tổng giá trị NK tôm vào khu vực này.
 - *Thị trường Trung Quốc và Hồng Kông:* Xuất khẩu tôm sang Trung Quốc và Hồng Kông năm 2011 tăng mạnh, tăng 54% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái, đạt trên 224 triệu USD. Liên tiếp trong mấy năm trở lại đây, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Trung Quốc tăng rất mạnh. Năm 2011, xuất khẩu tôm sang thị trường này luôn tăng trưởng từ 2-3 con số ngay từ những tháng đầu năm. Thực trạng này phần nào phản ánh nhiều bất ổn trong nguồn cung tôm nguyên liệu trong nước của Trung Quốc.
 - *Thị trường Hàn Quốc:* Là nước nhập khẩu tôm đông lạnh đứng thứ 9 thế giới về giá trị và là thị trường đơn lẻ đứng thứ 5 về giá trị nhập khẩu tôm của Việt Nam trong vừa qua. Năm 2011, xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường này tăng 23% so với cùng kỳ năm trước, đạt 157,6 triệu USD. Tăng trưởng xuất khẩu tôm vào Hàn Quốc nói chung thuận lợi, khối lượng xuất khẩu tăng dần và luôn cao hơn cùng kỳ năm trước. Tôm đông lạnh nguyên liệu chiếm 77% giá trị xuất khẩu tôm sang Hàn Quốc, còn lại là tôm chế biến.

8.2. Vị thế của công ty trong ngành

CuulongSeaPro là công ty có quy mô và thị phần trung bình so với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu tôm trong nước, kim ngạch xuất khẩu của CuulongSeaPro khoảng 50 triệu USD/năm. Cuulongseapro là một thương hiệu có uy tín đối với các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản...

Cuulong SeaPro có các khách hàng truyền thống tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đảm bảo cho doanh nghiệp có đầu ra ổn định và ngày càng phát triển. Mặt khác, Công

ty luôn tìm những mặt hàng và thị trường tiêu thụ phù hợp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch – doanh thu đề ra. Hơn nữa, do kiểm soát tốt về chất lượng nên các sản phẩm của CuulongSeaPro dễ dàng đến được các thị trường lớn và khó tính nhất trên thế giới.

So với các doanh nghiệp có cùng quy mô vốn và ngành nghề tại khu vực miền Tây Nam Bộ như: Stapimex, Camimex, Cadovimex, Quốc Việt... và một số doanh nghiệp vừa và nhỏ trong Hiệp hội VASEP thì Công ty được đánh giá nổi bật về một số mặt như:

- Công ty được đặt tại tỉnh Trà Vinh là một tỉnh của Đồng bằng Sông Cửu Long, có 65 km bờ biển, nội đồng có nhiều sông rạch ao hồ với hai vùng sinh thái khác nhau (vùng nước ngọt và vùng nước mặn – lợ) có khả năng khai thác các ngư trường rộng lớn, có nguồn tôm cá quanh năm. Do đó, nguồn nguyên liệu của CuulongSeaPro khá dồi dào.
- Trong những năm vừa qua Công ty thu mua được trên 30% nguồn nguyên liệu thủy sản (tôm cá nuôi) của tỉnh và một phần tôm nuôi từ tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng. Do nằm tại vùng nguyên liệu và mua trực tiếp từ các hộ nuôi tôm, nên chất lượng nguyên liệu luôn tươi, dễ dàng truy xuất nguồn gốc, đây là ưu thế lớn của Công ty trong việc sản xuất hàng có giá trị cao và phù hợp với xu thế chung của các nhà nhập khẩu lớn đòi hỏi phải truy xuất được nguồn gốc hàng hóa.

8.3. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với Công ty

❖ Điểm mạnh:

- Công ty có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong việc sản xuất và xuất khẩu hàng thủy hải sản đông lạnh. Thương hiệu “Cuulong Seapro” đối với thị trường xuất khẩu. Hoạt động ổn định sau 7 năm cổ phần hóa.
- Hàng hóa của Công ty đã được khách hàng nước ngoài chấp nhận và đánh giá cao về chất lượng, an toàn vệ sinh. Trong đó, các sản phẩm giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Công ty. Và Công ty chủ yếu làm về mặt hàng tôm thuận lợi hơn mặt hàng cá.

- Nhà máy của công ty đặt gần nguồn nguyên liệu, do đó nguyên liệu dùng cho sản xuất luôn tươi tốt, đảm bảo sạch bệnh, kiểm soát được dư lượng kháng sinh, dễ truy xuất nguồn gốc. Khoảng cách thu mua nguyên liệu trong phạm vi 120 km.
- Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của các thị trường như EU, Mỹ, Canada, Nhật, Úc.
- Nguồn lao động tại Trà Vinh dồi dào đáp ứng nhu cầu sản xuất trong mùa vụ chính.

❖ **Điểm yếu:**

- Chiến lược quảng cáo và tiếp thị sản phẩm của Công ty còn hạn chế.
- 100% nguyên liệu cung cấp cho chế biến hàng xuất khẩu của CuulongSeaPro là mua từ các hộ nuôi tôm và các đại lý, do vậy khi giá cả nguyên liệu đầu vào tăng sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất của Công ty.

❖ **Cơ hội:**

- Hiện nay, ngành thủy sản là ngành đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư phát triển. Các hoạt động của ngành thủy sản nằm trong danh mục A những ngành được hưởng ưu đãi đầu tư. Có nhiều cơ hội thu hút vốn, tiếp nhận công nghệ mới từ nước ngoài. Đây là cơ hội cho CuulongSeaPro phát triển mở rộng kinh doanh;
- Xu hướng tiêu dùng của người dân hiện tại và trong tương lai đang và sẽ tăng tỷ lệ thủy hải sản trong cơ cấu thực phẩm do thực phẩm thủy sản có dinh dưỡng cao, an toàn.
- Nhu cầu sử dụng những sản phẩm thủy sản tiện dụng, dễ chế biến... của người tiêu dùng hiện nay sẽ được đáp ứng bằng những sản phẩm Giá trị gia tăng của Công ty.
- Việc nuôi tôm sú công nghiệp tại địa phương phát triển mạnh, thích hợp cho việc chế biến mặt hàng với số lượng lớn và ổn định.
- Chính sách tỷ giá khuyến khích xuất khẩu của Chính phủ Việt Nam.

❖ **Thách thức:**

- Việt Nam gia nhập WTO, ngành thủy sản Việt Nam đối mặt với xu thế và yêu cầu của thị trường thủy sản thế giới khắt khe về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc, xuất xứ nguồn nguyên liệu,... Mặt khác, các doanh nghiệp thủy sản trong nước nói chung và Cuulong SeaPro nói riêng cạnh tranh với các nhà xuất khẩu thủy sản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam ngày càng nhiều hơn.
- Khủng hoảng tài chính kéo dài và chưa dự báo được thời điểm kết thúc làm giảm sức mua của người tiêu dùng.
- Vấn đề vi sinh/kháng sinh ngày càng khắt khe hơn trên khắp các thị trường.
- Quy trình sản xuất khép kín: từ ao nuôi đến bàn ăn (from pond to fork) đang được các tập đoàn sản xuất và xuất khẩu áp dụng, đang là xu hướng được ưa chuộng trên thị trường thủy sản quốc tế.

8.4. Triển vọng phát triển của ngành

Là một ngành có nhiều tiềm năng phát triển, với điều kiện thiên nhiên thuận lợi, lượng nhân công dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn, ngành thủy sản được xem là ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020.

Theo Chiến lược phát triển của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 9/2010, đến năm 2020, kinh tế thủy sản sẽ nâng mức đóng góp từ 19% lên 30% - 35% GDP trong khối Nông – Lâm – Ngư nghiệp, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành từ 8% - 10%/năm. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt USD 8 – 9 tỷ. Tổng sản lượng thủy sản đạt 6,5 – 7 triệu tấn, trong đó nuôi trồng chiếm 65% - 70% tổng sản lượng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN-PTNT) đặt mục tiêu năm 2012 cả nước phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 6,5 tỷ USD và trong Chiến lược phát triển xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2010-2020, đến năm 2020 giá trị xuất khẩu là 10 tỷ USD, đưa Việt Nam trở thành 1 trong 4 cường quốc đứng đầu về xuất khẩu thủy

sản thế giới. Để đạt được các con số trên, nhiều vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp ngành thủy sản sẽ được tháo gỡ ngay trong năm 2012.

Theo Tổng cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT), năm 2011 là năm ngành thủy sản cả nước có được kết quả đáng phấn khởi cả về sản xuất nuôi trồng, khai thác và xuất khẩu. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của cả nước đạt 1.099.000ha, tăng 2,5%. Sản lượng thủy sản ước đạt 5,32 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 3 triệu tấn, tăng 7,8% và sản lượng khai thác đạt 2,35 triệu tấn, tăng 2,32% so với 2010. Giá trị xuất khẩu ước đạt 6 tỷ USD, tăng 19,6% so với năm 2010 chủ yếu do được giá. Các sản phẩm xuất khẩu sang những thị trường lớn, thị trường truyền thống đều tăng mạnh về giá trị như Mỹ tăng 23,5%, Hàn Quốc tăng 32%, Trung Quốc tăng 49%... so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo kế hoạch, năm 2012, về diện tích nuôi trồng thủy sản cả nước sẽ có khoảng 1.110.000 ha, sản lượng thủy sản nuôi khoảng 3,15 triệu tấn và kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 6,3-6,5 triệu USD. Để đạt được những kết quả trên, các chuyên gia trong lĩnh vực thủy sản cho rằng, ngành thủy sản cần hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tăng về giá trị sản phẩm. Theo đó cần chú trọng tới nâng cao chất lượng con giống, tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất và kinh doanh con giống bởi trên thực tế hiện nay chất lượng đàn cá bố mẹ vẫn thấp, tỷ lệ con giống nuôi chết vẫn cao (từ 20% đến 30%).

8.5. Định hướng phát triển của Công ty trong sự phát triển của ngành

Với đà phát triển của ngành thủy sản trong thời gian qua chứng tỏ đây là ngành có nhiều triển vọng, với nhiều tiềm năng cả về khai thác, nuôi trồng, chế biến và thị trường. Đặc biệt, thị trường xuất khẩu được mở rộng hơn nữa khi Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới. Hơn nữa, ngành thủy sản đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm và sẽ có những chính sách ưu đãi hơn nữa cho ngành phát triển liên tục, góp phần đáng kể cho sự phát triển nền kinh tế quốc gia. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản sẽ được quan tâm, được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động sản xuất kinh doanh tăng không ngừng về sản lượng, giá trị ngoại tệ xuất khẩu và

lợi nhuận, tạo việc làm cũng như thu nhập thường xuyên ổn định cho người lao động trong ngành chế biến thủy sản.

Nhằm nắm bắt tiềm năng thuận lợi này, trong năm 2011 CuulongSeaPro tiếp tục đầu tư nâng cấp nhà xưởng, bổ sung thiết bị cấp đông và mua thêm xe tải lạnh 15 tấn... Năm 2012, Công ty sẽ đầu tư mua Xí nghiệp chế biến thủy sản Duyên Hải tọa lạc tại Láng Chim, Quyên Hải, tỉnh Trà Vinh, công suất 2.850 tấn thành phẩm/năm, nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, CuulongSeaPro có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho chế biến thủy sản xuất khẩu; trong năm 2012 Công ty tiếp tục hoàn thiện và củng cố cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý; đẩy mạnh phát triển đa dạng hóa sản phẩm giữ vững thị trường xuất khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm. Có thể nói, chiến lược phát triển của CuulongSeaPro hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long là 1.283 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 14: Số lượng lao động và cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2011

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Phân theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	923	71,94%
Lao động quản lý	17	1,32%
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	263	20,50%
Nhân viên hành chính, phục vụ	80	6,24%
Phân theo giới tính		
Nam	334	26,03%
Nữ	949	73,97%
Tổng cộng	1.283	

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

9.2 Các chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

- Người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đều có hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.
- CuulongSeaPro thực hiện chế độ làm việc 06 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận văn phòng và bộ phận sửa chữa làm việc theo giờ hành chính. Riêng bộ phận vận hành máy làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng. Bộ phận bảo vệ và IQF trực ca không quá 12 giờ/ngày.
- Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong năm. Lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.
- Trường hợp tôm nguyên liệu nhiều cần giải phóng kho bãi, tránh ứ đọng, Ban lãnh đạo có thể thỏa thuận với Chủ tịch Công đoàn sắp xếp cho người lao động tiếp tục làm việc và bố trí nghỉ bù vào ngày khác.
- Công ty thực hiện những chế độ phúc lợi như: nghỉ lễ, Tết, nghỉ thai sản, hậu sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng quy định Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty còn giải quyết tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Quy trình tuyển dụng của CuulongSeaPro bắt nguồn từ nhu cầu của các bộ phận, Giám đốc Bộ phận phê duyệt các chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên cho Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp và tổ chức tuyển dụng. CuulongSeaPro coi trọng chính sách thăng tiến nội bộ để khuyến khích tinh thần làm việc, sự cống hiến cán bộ công nhân viên của Công ty và bên cạnh đó cũng nhằm hạn chế những khó khăn trong công tác tuyển dụng nhân sự có trình độ cấp cao trên địa bàn tỉnh.
- Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đào tạo ngoài theo yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của Giám đốc Nhân sự như: các lớp về trình độ nghiệp vụ xuất nhập khẩu, kế toán, marketing, các lớp về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, các lớp về nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ cao cấp của Công ty và các khóa học khác.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng lương các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty trả lương theo cơ chế khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.
- Hàng năm Công ty đều xem xét và nâng đơn giá tiền lương cho khối trực tiếp sản xuất và nâng mức lương khoán đối với khối văn phòng để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định và ngày càng cao cho người lao động trong Công ty an tâm làm việc và nâng cao năng suất lao động.
- Hàng năm, Công ty tổ chức bình xét khen thưởng theo xếp hạng, tiêu chí do Công ty quy định dựa vào ngày công, năng suất, hiệu quả công việc, đề nghị UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp tặng bằng khen cho tập thể và cá nhân.
- Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Hỗ trợ 100% chi phí mua bảo hiểm tai nạn con người theo nhóm cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty. Các chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty luôn đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Thường xuyên phổ biến các quyền lợi của người lao động khi người lao động theo gia làm việc tại Công ty để họ nắm rõ và bảo đảm đầy đủ các quyền lợi khi tham gia làm việc tại Công ty.
- Công ty đã xây dựng và đưa vào hoạt động khu nội trú cho công nhân từ đầu năm 2010, đảm bảo điều kiện vật chất, giải quyết về nhu cầu nhà ở cho người lao động. Công ty cũng có một nhà ăn phụ vụ suất ăn trưa miễn phí cho công nhân.

10. Chính sách cổ tức

- Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.
 - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh các năm tới.
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức của Công ty qua các năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	Ghi chú
2008	10%	
2009	20%	
2010	25%	
2011	18%	
2012	20%	Dự kiến
2013	20%	Dự kiến

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Năm 2011, Công ty quyết định trả cổ tức 18%/mệnh giá cho cổ đông. Trong năm 2011, Công ty chưa tạm ứng cổ tức. Thời điểm chi trả cổ tức năm 2011 trong tháng 6/2012.

11. Tình hình hoạt động tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ:

❖ *Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định:*

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang

được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ *Phương pháp khấu hao áp dụng:*

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

❖ *Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 15 năm
Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	04 – 25 năm

11.1.2. Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long năm 2011 là 3.082.000 người/tháng. Mức thu nhập bình quân này nằm ở mức trung bình khá so với các công ty cùng ngành.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay ngân hàng.

Với nhà cung cấp, Công ty cũng luôn đảm bảo được thời gian thanh toán mà nhà cung cấp đưa ra, do đó uy tín của Công ty được nâng cao, hạn mức tín dụng mua hàng của Công ty ngày càng tăng.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp đầy đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp nhà nước khác theo đúng luật định.

Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Thuế giá trị gia tăng	1.558,95	11,93	8.141,42
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.799,17	205,07	235,69
Thuế thu nhập cá nhân	132,88	83,16	127,43
Tiền thuê đất	-	-	277,75
Cộng	4.491,00	300,16	8.782,28

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất Quý 2/2012 Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Kể từ khi chuyển sang hình thức hoạt động công ty cổ phần, Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của Công ty như sau:

Bảng 17: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2010	NĂM 2011	30/06/2012
1	Quỹ đầu tư phát triển	10.182,93	16.450,23	20.358,12
2	Các quỹ dự phòng tài chính	2.457,24	3.622,13	4.777,85
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất Quý 2/2012 Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

11.1.6. Tổng dư nợ vay:

Bảng 18: Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Vay và nợ ngắn hạn – VNĐ	200.610,63	407.785,22	417.451,82
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	120.907,05	89.494,15	93.793,02
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	21.788,99	147.505,77	189.669,14
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	35.700,00	14.700,00	9.100,00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Trà Vinh	1.000,00		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Trà Vinh	3.000,00		1.081,60
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Trà Vinh	12.500,00	62.257,95	42.856,87
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (VN)	5.714,59	68.833,75	56.534,87
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (VN) - CN TP.HCM		24.993,60	16.734,36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - CN Tiền Giang			7.681,96
Nợ dài hạn đến hạn phải trả - VNĐ	4.523,35	3.474,99	2.050,00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	1.600,00	1.600,00	300,00
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	1.250,00	1.250,00	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Trà Vinh	-	-	1.250,00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Trà Vinh	833,34	624,99	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Trà Vinh	692,64		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	147,38		
Vay dài hạn – VNĐ	11.329,10	4.054,7	3.554,70
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	5.253,36	603,96	603,96
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	3.650,74	2.400,74	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Trà Vinh	624,99		
Quỹ Đầu tư Phát triển Trà Vinh	1.800,00	1.050,00	2.950,74

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất Quý 2/2012 Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.

Tình hình vay nợ của Công ty có xu hướng tăng trong thời gian vừa qua, chủ yếu tăng vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu của Công ty và công nợ phải trả như sau:

Bảng 19: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2010	NĂM 2011	30/06/2012
1.	Phải thu của khách hàng	46.691,71	87.861,06	81.715,69
2.	Trả trước cho người bán	10.126,49	707,46	411,69
3.	Phải thu ngắn hạn khác	318,29	89,56	1.069,37
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(240,78)	(240,78)	(240,78)
5.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Cộng	56.895,72	88.417,29	82.955,96

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất Quý 2/2012 Công ty CP Thủy sản Cửu Long

(*) Khoản dự phòng khó đòi Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Long Yên (tỷ lệ 50%).

Cùng với việc tăng doanh thu bán hàng, tình hình công nợ của Công ty cũng có xu hướng tăng qua các năm. Tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 tăng 55,4% so với thời điểm cuối năm 2010.

Bảng 20: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2010	NĂM 2011	30/06/2012
1	Nợ ngắn hạn	239.299,57	440.289,82	468.776,81
	<i>Trong đó:</i>			
	Vay và nợ ngắn hạn	205.133,99	411.260,21	419.501,82
	Phải trả người bán	13.346,41	9.373,65	16.199,72
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.491,00	300,16	8.782,28

2	Nợ dài hạn	13.705,27	12.541,24	11.871,38
	<i>Trong đó:</i>			
	Vay và nợ dài hạn	11.329,10	4.054,70	3.554,70
	Phải trả dài hạn khác	2.069,81	8.026,19	8.126,19
	Cộng	253.004,84	452.831,06	480.648,19

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 1/2012 Công ty CP Thủy sản Cửu Long

Năm 2011, Công ty tăng vay nợ so với năm 2010. Trong đó chủ yếu là tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 100,5% so với năm 2010.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2011	30/06/2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,21	1,12	1,09
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<i>TSLĐ - Hàng tồn kho</i>	0,61	0,30	0,22
<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,75	0,78
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,73	2,94	3,59
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán</i>	12,09	5,02	
<i>Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,00	2,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,51%	1,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,66%	15,40%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,53%	3,87%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,87%	1,58%	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 Công ty CP Thủy sản Cửu Long

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2011 giảm so với năm 2010 từ 1,21 xuống 1,12 do Công ty tăng vay nợ ngắn hạn để dự trữ nguyên vật liệu và thành phẩm phục vụ cho thời điểm trái vụ. Tương ứng, hệ số thanh toán nhanh năm 2011 cũng giảm so với năm 2010 từ 0,61 xuống 0,30.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản cũng như hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2011 tăng so với năm 2010 do Công ty tăng Nợ ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động. Tuy nhiên, Hệ số nợ/Tổng tài sản cũng như hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đang có dấu hiệu giảm dần trong Quý 1/2012.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty các năm 2011 giảm so 2010 do tình hình khó khăn chung của toàn nền kinh tế và ngành thủy sản.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng Quản trị:

Ông: Nguyễn Văn Bang	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Trần Thanh Lễ	- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Diệp Công Phước	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Thanh Bình	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trương Thanh Tân	- Thành viên HĐQT
Bà: Trần Thị Thu Trà	- Thành viên HĐQT
Bà: Đỗ Lan Hương	- Thành viên HĐQT

12.2. Ban Giám đốc

Danh sách Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Bang	- Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Lễ	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Diệp Công Phước	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	- Phó Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN BANG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/07/1960
- Nơi sinh: Xã Hiệp Mỹ, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh
- Số CMND: 334516921 do CA Trà Vinh cấp ngày 26/01/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hiệp Mỹ, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh
- Địa chỉ thường trú: Số 1B, Tô Thị Huỳnh, Khóm 1, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Chỗ ở hiện nay: Số 1B, Tô Thị Huỳnh, Khóm 1, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Số điện thoại liên lạc: 074.852321
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Khai thác Thủy sản
- Quá trình công tác:
 - Tháng 10/1985 - 12/1993: Cán bộ kỹ thuật KCS Xí nghiệp Đông lạnh 30/4 Vĩnh Long.
 - Tháng 01/1994 - 12/1995: Cán bộ kỹ thuật KCS Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/1996 - 12/1997: Phó quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/1998 - 09/1998: Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 10/1998 - 02/2001: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 03/2001 - 14/03/2005: Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 15/03/2005 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Thủy sản Đông lạnh Long Toàn
 - Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Thủy sản Sao Biển.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Một thành viên Mỹ Long Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **2.717.451 cổ phần**, chiếm 33,97% vốn điều lệ.
Trong đó:

- Cá nhân: 100.000 cổ phần, chiếm 1,25% vốn điều lệ.
- Đại diện nhà nước: 2.617.451 cổ phần, chiếm 32,72% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **TRẦN THANH LỄ**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **07/08/1964**
- Nơi sinh: **Trà Vinh**
- Số CMND: **334528429** do CA Trà Vinh cấp ngày 19/09/2005
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Xã Hiệp Hòa, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh.**
- Địa chỉ thường trú: **Số B3/44 khu 3A Phạm Ngũ Lão, K3, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.**
- Chỗ ở hiện nay: **Số B3/44 khu 3A Phạm Ngũ Lão, K3, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Số điện thoại liên lạc: **074.852321**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Công nghệ Thực phẩm**
- Quá trình công tác:
 - Tháng 10/1986 - 12/1989: Tổ trưởng KCS Nhà máy Đông lạnh 2/9.
 - Tháng 01/1990 - 11/1990: Phó ban điều hành SX Nhà máy Đông lạnh 2/9.
 - Tháng 12/1990 - 12/1995: Phó quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/1996 - 12/1997: Quyền Quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh. ..
 - Tháng 01/1998 - 12/2001: Phó ban công trình nâng cấp và mở rộng Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/2002 - 04/2003: Quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.

- Từ 01/5/2003 - 18/5/2003: Trưởng phòng Kinh doanh Cty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Từ 19/5/2003 - 14/3/2005: Phó giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Từ 15/3/2005 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Một Thành viên Mỹ Long Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **80.000 cổ phần**, chiếm 1% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - Cá nhân: 80.000 cổ phần, chiếm 1% vốn điều lệ.
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **DIỆP CÔNG PHƯỚC**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **18/04/1958**
- Nơi sinh: **Khánh Hòa**
- Số CMND: **334611477** do CA Trà Vinh cấp ngày 13/11/2006
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Nha Trang, Khánh Hòa**
- Địa chỉ thường trú: **Số 24A Nguyễn Thị Minh Khai, K10, Phường 7, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Chỗ ở hiện nay: **Số 24A Nguyễn Thị Minh Khai, K10, Phường 7, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.**
- Số điện thoại liên lạc: **074.852321**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Chế biến Thủy sản**
- Quá trình công tác:

- Tháng 12/1982 - 04/1987: Đội trưởng sản xuất Xí nghiệp Đông lạnh 19/5.
- Tháng 05/1987 - 12/1989: Trưởng ban Ca Xí nghiệp Đông lạnh 2/9.
- Tháng 01/1990 - 08/1991: Cán bộ kỹ thuật, Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản Cửu Long.
- Tháng 09/1991 - 04/1996: Quản đốc Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Tháng 05/1996 - 03/1997: Trưởng Văn phòng Công ty Amanda Cửu Long Seapro Shrimp Co.
- Tháng 04/1997 - 14/3/2005: Phó giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Từ 15/3/2005 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Đông Lạnh Long Toàn.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 13.300 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
 Trong đó:
 - Cá nhân: 13.300 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **LÊ THANH BÌNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1958
- Nơi sinh: Xã Thanh Mỹ, Châu Thành, Trà Vinh
- Số CMND: 334516924 do CA Trà Vinh cấp ngày 07/07/2005
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Mỹ, Châu Thành, Trà Vinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 15 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Số điện thoại liên lạc: 074.852321

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - Tháng 10/1978 - 12/1989: Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/1990 - 09/1992: Kế toán trưởng Liên hiệp các xí nghiệp Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 10/1992 - 14/3/2005: Kế toán trưởng Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 15/3/2005 – 30/04/2011: Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 01/05/2011 – 20/04/2012: Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty.
 - Từ 21/04/2012 – đến nay: Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc phụ trách công ty.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đông Lạnh Thủy sản Long Toàn.
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Một Thành viên Mỹ Long Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **71.000 cổ phần**, chiếm 0,89 % vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - Cá nhân: 71.000 cổ phần, chiếm 0,89% vốn điều lệ
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **TRƯƠNG THANH TÂN**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **14/09/1970**
- Nơi sinh: **Sa Đéc - Đồng Tháp**
- Số CMND: **024687332 do CA TP.HCM cấp ngày 07/02/2007**
- Quốc tịch: **Việt Nam**

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: Số 125/305 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Chỗ ở hiện nay: 14D9 Thảo Điền, Quận 2, Tp. HCM
- Số điện thoại liên: 08. 37442989
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1995 đến 1997: Văn phòng Đại diện của Nichimen Corporation
 - Từ năm 1997 đến năm 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm Đà Lạt-Nhật Bản
 - Từ năm 2000 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh.
 - Từ 30/03/2010 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Thanh.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **4.000 cổ phần** chiếm 0,05% VDL
 - Trong đó:
 - Cá nhân: 4.000 cổ phần chiếm 0,05% VDL
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: 14.000 cổ phần
 - Em Trương Huy Vũ số cổ phần sở hữu 14.000 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **ĐỖ LAN HƯƠNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 012121935 do CA Hà Nội cấp ngày: 06/06/1998

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Nhà 18, lô 14A, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Chỗ ở hiện nay: Nhà 18, lô 14A, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 84-4-22225333
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2005 đến 2006: Cán bộ Ban Đầu tư, Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam.
 - Từ năm 2007 đến nay: Chuyên viên phân tích, Phó phòng, Trưởng phòng, Bộ phận Đầu tư & Quản lý danh mục, Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV-Vietnam Partners kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng, Bộ phận Đầu tư & Quản lý danh mục, Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV-Vietnam Partners.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.575.000 cổ phần, chiếm 19,7% vốn điều lệ
Trong đó:
 - Cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện: 1.575.000 cổ phần (Đại diện cho Quỹ Đầu tư Việt Nam)
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **TRẦN THỊ THU TRÀ**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/09/1981
- Nơi sinh: Tây Ninh
- Số CMND: 024515456 do CA TP.HCM cấp ngày 24/10/2006
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Ba Vì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 04 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
- Chỗ ở hiện nay: 04 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 08.62992082
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2004 đến năm 2006: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
 - Từ năm 2007 đến năm 2008: Phó Giám đốc tài chính, Thành viên HĐQT CTCP Bảo Hiểm Bảo Tín .
 - Từ 07/2008 đến nay: Chuyên viên đầu tư Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam.
 - Từ 04/2011 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân Hàng kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chuyên viên đầu tư Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam.
 - + Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân Hàng.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần
 - Trong đó:
 - Cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

12.3. Ban kiểm soát

Bà Hồ Thị Á	- Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liễu Tuyền	- Thành viên ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhanh	- Thành viên ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **HỒ THỊ Á**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **1958**
- Nơi sinh: **Xã Phổ Xuân, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi**
- Số CMND: **334079753 do CA Trà Vinh cấp ngày 21/02/2011**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Vĩnh Long**
- Địa chỉ thường trú: **Khóm 1, Phường 8, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.**
- Chỗ ở hiện nay: **Khóm 1, Phường 8, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.**
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: **074.864663.**
- Trình độ văn hóa: **12/12.**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Tài chính Kế toán.**
- Quá trình công tác:
 - Năm 1980 - 1992: Cán bộ chuyên quản (quản lý TCDN) Sở Tài chính, Tỉnh Cửu Long.
 - Năm 1992 - 1995: Trưởng phòng TCDN (quản lý TCDN) Sở Tài chính, Tỉnh Trà Vinh.
 - Năm 1995 - 1999: Cục phó Cục Quản lý Vốn và Tài sản tại doanh nghiệp, Tỉnh Trà Vinh.
 - Năm 1999 đến 31/07/2012: Trưởng phòng TCDN (quản lý TCDN) Sở Tài chính, Tỉnh Trà Vinh.
 - Năm 2002 đến nay: Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa Tỉnh Trà Vinh (nay đổi tên là Quỹ Đầu tư tỉnh Trà Vinh).
 - Từ 15/03/2005 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Quỹ Đầu tư tỉnh Trà Vinh.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **5.000 cổ phần**, chiếm 0,062% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - Cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: **không**
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): **không**
- Những khoản nợ đối với Công ty: **không.**

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LIỄU TUYẾN**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **28/03/1974**
- Nơi sinh: **Tỉnh Trà Vinh**
- Số CMND: **334634991 cấp ngày 10/03/2011 tại CA Trà Vinh**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Khóm 1, phường 3, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Địa chỉ thường trú: **115 Lý Thường Kiệt, K1 P3, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Số điện thoại liên lạc: **074.3853390.**
- Trình độ văn hóa: **12/12.**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học công nghệ thông tin.**
- Quá trình công tác:
 - Tháng 7/2001 - 14/03/2005: nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 15/03/2005 - 30/03/2010: Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 30/03/2010 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Mỹ Long Nam.**
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: **2.130 cổ phần**, chiếm 0,027 % vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - Cá nhân: 2.130 cổ phần, chiếm 0,027 % vốn điều lệ
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: **không**
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): **không**
- Những khoản nợ đối với Công ty: **không**
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: **không**
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **không**
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): **không**

Thành viên Ban Kiểm soát

- **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ HỒNG NHANH
- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày tháng năm sinh:** 08/04/1963
- **Nơi sinh:** Xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh.
- **Số CMND:** 334531154 do CA Trà Vinh cấp ngày 12/05/2005
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh.
- **Địa chỉ thường trú:** Số 9, Phạm Ngũ Lão, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- **Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:** 074.3854316
- **Trình độ văn hóa:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Đại học Chế biến Thủy sản
- **Quá trình công tác:**
 - Tháng 6/1987 - 12/1990: Tổ phó KCS Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 01/1991 - 12/1997: Tổ trưởng KCS Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 1/1998 - 05/2000: Phó quản đốc phân xưởng phụ trách kỹ thuật Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 6/2000 - 6/2004: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Tháng 7/2004 - 14/03/2005: Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 15/03/2005 đến 29/03/2010: Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, Tỉnh Trà Vinh.
 - Từ 30/03/2010 đến 30/11/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Từ 01/12/2011 đến nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chánh kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
- **Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không nắm giữ chức vụ tại các tổ chức khác.
- **Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần, chiếm 0,625% vốn điều lệ**
 - Trong đó:**
 - Cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,625% vốn điều lệ
 - Đại diện: 0 cổ phần.

- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Quyền Kế toán trưởng

- Họ và tên: **LÊ THỊ THANH NGÂN**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **1977**
- Nơi sinh: **xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**
- Số CMND: **331193336 do CA Vĩnh Long cấp ngày 27/04/2009**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **ấp I, xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**
- Địa chỉ thường trú: **ấp I, xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**
- Số điện thoại liên lạc: **074.3853390**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học kế toán tổng hợp**
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 11/2000 đến 14/3/2005: Kế toán thanh toán Công ty Thủy sản Cửu Long Trà Vinh.
 - Từ 15/3/2005 đến 06/2007: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long Trà Vinh, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Từ tháng 7/2007 đến 02/2008: Kế toán phó kiêm Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long Trà Vinh, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Từ tháng 3/2008 đến 30/03/2010: Phó Trưởng phòng kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long Trà Vinh, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Từ tháng 4/2010 đến 20/04/2012: Phó Trưởng phòng kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long Trà Vinh

- Từ 21/04/2012 đến nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Thủy sản Cửu Long
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.000 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Cá nhân: 1.000 cổ phần chiếm 0,012% vốn điều lệ
 - Đại diện: 0 cổ phần
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do tôi đang sở hữu trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2011 được thể hiện như sau:

Bảng 22: Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2011

STT	TÊN TÀI SẢN	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/12/2011)
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	90.920.000	84.101.015
1	Quyền sử dụng đất 227,3 m ² (*)	90.920.000	84.101.015
B	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	44.583.530.913	30.442.406.438
2	Máy móc, thiết bị	113.442.282.759	65.752.899.609
3	Phương tiện vận tải	11.841.667.060	5.483.038.145
4	Dụng cụ quản lý	162.455.458	79.828.205
5	Tài sản cố định khác	14.507.727	11.485.287
	TỔNG CỘNG	170.044.443.917	101.769.657.684

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2012 được thể hiện như sau:

Bảng 23: Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/06/2012

STT	TÊN TÀI SẢN	Nguyên giá	Giá trị còn lại (30/06/2012)
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	90.920.000	84.101.015
1	Quyền sử dụng đất 227,3 m ² (*)	90.920.000	84.101.015
B	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	44.642.621.822	28.958.802.592
2	Máy móc, thiết bị	114.184.321.654	60.245.998.341
3	Phương tiện vận tải	11.841.667.060	4.826.577.032
4	Dụng cụ quản lý	1.138.190.822	971.192.967
5	Tài sản cố định khác	14.507.727	9.671.823
	TỔNG CỘNG	171.821.309.085	95.012.242.755

(*) Quyền sử dụng đất với diện tích 227,3 m² tại ấp Long Bình B, Phường 04, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Thời gian sử dụng đến ngày 15/03/2056 đối với đất trồng cây lâu năm (diện tích 67,3 m²) và thời gian sử dụng lâu dài đối với đất ở tại đô thị (diện tích 160,0 m²).

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Định hướng phát triển của CuulongSeaPro trong giai đoạn 2012 – 2014 là tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất xuất khẩu thủy hải sản. Trong đó, Công ty sẽ đầu tư nâng cấp nhà xưởng, bổ sung các thiết bị cấp đông, đầu tư mua xe tải lạnh... và đào tạo công nhân lành nghề cũng như đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và tuyển dụng thêm các nhân sự mới có trình độ cao, nhằm khai thác tối đa nguồn lực và khả năng của Công ty.

Bảng 24: Kế hoạch SXKD, lợi nhuận và cổ tức của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

DIỄN GIẢI	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Sản lượng SX (tấn)	6.250	6.900	7.700
1. Doanh thu bán hàng	1.220.000	1.320.000	1.460.000
2. Lợi nhuận:			
+ Lợi nhuận trước thuế	30.000	36.617	40.932
+ Lợi nhuận sau thuế	24.035	29.294	32.746
+ LNST/VĐL	30,0%	36,6%	40,9%
3. Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	61	67,7	74,9
4. Vốn điều lệ	80.000	80.000	80.000
6. Cổ tức dự kiến	20%	20%	20%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Bảng 25: Kế hoạch SXKD, lợi nhuận và cổ tức của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

DIỄN GIẢI	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Sản lượng SX (tấn)	8.000	9.000	10.100
1. Doanh thu bán hàng	1.535.000	1.635.100	1.827.800
2. Lợi nhuận:			
+ Lợi nhuận trước thuế	35.000	47.405	54.205
+ Lợi nhuận sau thuế	30.000	37.924	43.364
+ LNST/VĐL	37,5%	47,4%	54,2%
3. Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	76,76	83	93
4. Vốn điều lệ	80.000	80.000	80.000
6. Cổ tức dự kiến	20%	20%	20%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2012:

❖ Công ty mẹ:

- Sản lượng sản xuất : 6.250 tấn

- Doanh thu : 1.220 tỷ tương đương 61.000.000 USD
- Lợi nhuận trước thuế : 30 tỷ đồng
- Dự kiến cổ tức 2012 : 20% trên mệnh giá (2.000 đ/cổ phiếu)

❖ **Kế hoạch hợp nhất:**

- Sản xuất : 8.000 tấn
- Doanh thu : 1.535 tỷ tương đương 76.760.000 USD
- Lợi nhuận trước thuế : 35 tỷ đồng

Phân tích khả năng hoàn thành kế hoạch 2012:

Với sự tăng trưởng doanh thu cũng như tốc độ phát triển của ngành thủy sản trong những năm qua, Cuulong SeaPro xác định đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Ngoài các khách hàng truyền thống của thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu, CuuLong SeaPro vẫn luôn chú trọng tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới như: Singapore, newZealand, Úc, Hàn quốc...

Năm 2012, CuuLong Seapro vẫn giữ được thị trường và khách hàng truyền thống. Tuy nhiên, trong 06 tháng đầu năm Công ty đối mặt với những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh như giá bán giảm mạnh, tỷ giá chưa khuyến khích xuất khẩu, chi phí đầu vào tăng cao... và Công ty nhận định thị trường 06 tháng cuối năm sẽ tiếp tục khó khăn do tình hình kinh tế thế giới còn trong bối cảnh khủng hoảng chưa phục hồi và những khó khăn chung của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến thủy sản. Vì vậy, dự báo chỉ tiêu lợi nhuận trong kế hoạch kinh doanh 2012 sẽ khó có thể hoàn thành. Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm, nỗ lực chỉ đạo, tận dụng mọi nguồn lực sẵn có để điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua khó khăn 2012 và phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2012 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

- Mở rộng và nâng cấp mặt bằng nhà xưởng, bổ sung thêm máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đầu tư mua Xí nghiệp chế biến thủy sản Duyên Hải tọa lạc tại Láng Chim, Duyên Hải, Trà Vinh với công suất 2.850 tấn thành phẩm/năm.
- Xây dựng thành công thương hiệu “Cuulong Seapro” tại thị trường nước ngoài bằng việc thành lập một Văn phòng đại diện của Công ty tại Anh, từ đó nắm bắt trực tiếp xu hướng tiêu dùng tại nhóm thị trường chung này.
- Giữ vững danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín và cố gắng đưa vị thế của Cuulong Seapro lên Top 10 của các nhà chế biến tôm và xuất khẩu tại Việt Nam.
- Xây dựng hệ thống bán lẻ trong nước cho các sản phẩm Tôm cuộn Khoai tây, Tôm tẩm bột, Cá Tra Fillet/cắt khúc... bằng việc đưa hàng vào mạng lưới siêu thị trên toàn quốc. Dự kiến đến năm 2015, doanh số bán lẻ tại thị trường trong nước chiếm 10% trên tổng doanh thu của Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Dưới góc độ là một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích, đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh, cũng như khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức đặt ra của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng nghiêm trọng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty thì khả năng đạt được kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Công ty là khả thi. Chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức mà Công ty đưa ra là phù hợp với tình hình hiện tại, đảm bảo mức cổ tức cho nhà đầu tư cũng như nguồn lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ phát triển trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét trên chỉ có ý nghĩa tham khảo, các nhà đầu tư cần cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

- Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 8.000.000 cổ phiếu

(*Bằng chữ: Tám triệu cổ phiếu*).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

- *Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập:* không
- *Hạn chế chuyển nhượng của thành viên chủ chốt:*

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời hạn 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên chủ chốt của Công ty tính từ ngày niêm yết là: **1.901.430** cổ phần. Chi tiết cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	
			100% trong 6 tháng đầu	50% trong 6 tháng tiếp theo
1.	Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	100.000	50.000
2.	Trần Thanh Lễ	Phó Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	80.000	40.000
3.	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT/ Phó tổng giám đốc	71.000	35.500
4.	Diệp Công Phước	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	13.300	6.650
5.	Trương Thanh Tân	Thành viên HĐQT	4.000	2.000
6.	Trần Thị Thu Trà	Thành viên HĐQT	0	0
7.	Đỗ Lan Hương	Thành viên HĐQT	1.575.000	787.500
8.	Hồ Thị Á	Trưởng BKS	5.000	2.500
9.	Nguyễn Thị Hồng Nhanh	Thành viên BKS	50.000	25.000
10.	Nguyễn Thị Liễu Tuyền	Thành viên BKS	2.130	1.065
11.	Lê Thị Thanh Ngân	Quyền Kế toán trưởng công ty	1.000	500
Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng			1.901.430	950.715

5. Phương pháp tính giá

Việc xác định giá cổ phiếu của Công ty CP Thủy sản Cửu Long dựa trên cơ sở thông tin và tài liệu được Công ty cung cấp đầy đủ và rõ ràng; tham chiếu giá trị sổ sách Công ty; khả năng phát triển của Công ty trong tương lai.

Giá cổ phiếu của Công ty được tính toán theo 03 phương pháp: chiết khấu luồng cổ tức (DDM), phương pháp P/E bình quân ngành và phương pháp P/BV bình quân ngành.

5.1. Phương pháp P/BV (Thị giá/Giá trị sổ sách)

Dựa vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán thời điểm 31/12/2011, giá sổ sách của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2011} &= \frac{\text{Tổng giá trị tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ) tại thời điểm 31/12/2011}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2011}} = \frac{154.170.844.323}{8.000.000} = 19.271 \\ &\quad \text{(đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Xác định hệ số Thị giá trên Giá trị sổ sách (P/BV):

P/BV_{tham chiếu}: Chỉ số P/BV của Công ty được tham chiếu bởi các Công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh như:

Bảng 26: *Thống kê một số chỉ tiêu tài chính của các công ty Thủy sản niêm yết*

Mã CK	VDL (triệu đồng)	Giá trị sổ sách (Book value) (VNĐ)	Thị giá (P) (*) ngày 30/08/2012	P/B	EPS cơ bản	P/E cơ bản
AAM	113.400	28.378	26.000	0,92	7.002	3,71
ABT	136.072	34.828	38.000	1,09	9.023	4,21
ACL	183.997	13.246	15.800	1,19	6.244	2,53
AGF	128.593	46.268	25.600	0,55	4.844	5,28
HVG	659.981	36.663	29.200	0,80	6.453	4,52
MPC	700.000	22.294	28.400	1,27	4.053	7,01
TS4	115.000	20.004	8.600	0,43	2.216	3,88
VHC	471.513	26.461	32.200	1,22	8.389	3,84
P/BV bình quân				0,93		4,47

Nguồn: BCTC năm 2011 được công bố tại trên trang web của SGDCK TP HCM và tính toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á

() P: Giá đóng cửa của cổ phiếu các công ty ngày 30/08/2012.*

Theo cách tính trên thì chỉ số P/BV bình quân của các công ty cùng ngành với Công ty là 0,93.

Định giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long theo phương pháp so sánh P/BV:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách/cổ phiếu (BV)	19.271
2	Hệ số P/BV (*)	0,92
3	Giá cổ phiếu (3=1 x 2) (đồng/cổ phần)	17.922

5.2. Phương pháp P/E (Thị giá/Thu nhập trên cổ phần)

$P/E_{\text{tham chiếu}}$: Chỉ số P/E của Công ty được tham chiếu bởi các Công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

$P/E_{\text{tham chiếu}} = 4,47$.

Định giá cổ phiếu Công ty theo phương pháp so sánh P/E:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Thu nhập trên cổ phần (theo BCTC hợp nhất năm 2011)	2.936
2	Hệ số P/E	4,47
3	Giá cổ phiếu (3=1 x 2) (đồng/cổ phần)	13.124

5.3. Phương pháp chiết khấu luồng cổ tức (DDM)

- Công thức tính:

$$PV = \sum_{n=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{P^n}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV là giá trị hiện tại của doanh nghiệp
- CF_t là giá trị luồng cổ tức (t có giá trị từ 1 cho đến 3) tính cho giai đoạn 2012-2014.
- t là thứ tự các năm tiếp theo từ năm xác định giá trị cổ phiếu ($t = 1 \rightarrow n$)
- k là tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của nhà đầu tư khi mua cổ phần, k tính theo công thức: $k = R_f + R_p$,

Trong đó:

R_f là tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro được tính bằng lãi suất của Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm phát hành đợt gần nhất.

R_p là tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư được xác định theo bảng số phụ phí rủi ro theo niên giám quốc tế tại niên giám định giá và không được vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro.

$k = 15\%$.

- P_n là giá trị các luồng cổ tức tương lai từ năm thứ $(n+1)$ trở đi được tính về thời điểm n . P_n được tính theo công thức:

$$P_n = CF_{n+1} / (k_{n+1} - g)$$

Trong đó:

CF_{n+1} là giá trị luồng tiền cổ tức cho năm thứ $n+1$, được tính như sau:

$$CF_{n+1} = CF_n \times (1+g)$$

- g là tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức, g được tính theo công thức:

$$g = b \times R, \text{ trong đó:}$$

b : tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn

R : tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân của các năm tương lai từ 2012 - 2014.

Tỷ lệ tăng trưởng g dự kiến cho giai đoạn từ năm 2014 trở đi là $g = 7,2\%$

Thay số vào công thức trên, giá của một cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy sản Cửu Long theo phương pháp chiết khấu luồng cổ tức là: **30.034 đồng/cổ phần**.

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long:

Phương pháp định giá	Giá	Tỷ trọng	Bình quân giá quyền
P/BV	17.922	40%	7.169
P/E	13.124	30%	3.937
DDM	30.034	30%	9.010
Giá bình quân		100%	20.116

Căn cứ vào các kết quả định giá trên, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long quyết định chọn giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên là 20.000 đồng/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, sau khi Công ty được đăng ký thành công ty đại chúng và/hoặc cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%. Công ty được miễn thuế 02 (hai) năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 05 (năm) năm tiếp theo, bắt đầu miễn thuế từ năm 2005.

7.2. Thuế giá trị gia tăng

Hiện nay, Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Mặt hàng xuất khẩu : 0%
- Mặt hàng nội địa : 5%, 10%

7.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và đóng thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á

Địa chỉ : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : (08) 38 258 106
- Fax : (08) 38 248 655
- Giấy ĐKKD : số 106/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/04/2009
- Email : info@asias.com.vn
- Website : www.asias.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) (Năm 2009, 2010)

- Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Văn phòng : 153 Đề Thám, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3838 9099 Fax: (08) 3838 9119
- Website : www.vietvalues.com

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) (Năm 2011)

- Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 38 205 944 Fax: (08) 38 205 942
- Email : info@aascs.com.vn
- Website : www.aascs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010, 2011,
- 4. Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính năm 2009, 2010, 2011 và Quý 1, 2/2012

Trà Vinh, ngày 01 tháng 09 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIỂM TÒNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN BANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HỒ THỊ Á

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THANH NGÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



PHAN VŨ TUẤN